



Tiếp Bước
HÀNH TRÌNH



Tiếp Bước
HÀNH TRÌNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- 📍 : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- ☎ : (84.28) 3823 9219
- ☎ : (84.28) 3822 8967
- ✉ : info@baohiembraolong.vn
- 🌐 : baolonginsurance.com.vn

NỘI DUNG

07 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

01 | GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- 10 Tổng quan về Bảo Long
- 14 Mạng lưới hoạt động
- 15 Cổ đông và đối tác
- 16 Hành trình tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng
- 18 Thông tin cổ phần và cổ đông
- 20 Sự kiện nổi bật năm 2020
- 22 Các giải thưởng tiêu biểu
- 24 Sơ đồ tổ chức
- 26 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 30 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 32 Giới thiệu Ban Điều hành
- 38 Định hướng phát triển giai đoạn 2018 - 2023
- 40 Rủi ro và quản lý rủi ro

02 | BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020 & KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

- 44 Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020
- 50 Báo cáo tình hình triển khai các giải pháp kinh doanh năm 2020
- 54 Kế hoạch hoạt động và Giải pháp kinh doanh 2021
- 58 Nhân sự và Đào tạo

03 | BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 62 Quản trị DN hướng tới phát triển bền vững
- 64 Xây dựng mối quan hệ bền vững với các BLQ
- 66 Trách nhiệm với môi trường

04 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

- 73 Báo cáo của Ban Điều hành
- 74 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 76 Bảng cân đối kế toán
- 80 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 83 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 84 Thuyết minh báo cáo tài chính
- 127 Mạng lưới hoạt động



VỚI MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH RÕ RÀNG,
BẢO LONG VẪN ĐANG “TIẾP BƯỚC HÀNH TRÌNH”
KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ ĐỂ TRỞ THÀNH CÔNG TY BẢO HIỂM
ĐƯỢC TÍN NHIỆM HÀNG ĐẦU.

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên (CBNV),

Năm 2020 là một năm đầy thách thức do dịch bệnh COVID-19 gây ra, với những thay đổi đáng kể đến cuộc sống của hàng tỷ người trên toàn thế giới, cũng như tác động đến môi trường kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ nền kinh tế nói chung và Bảo Long nói riêng. Trước tình hình đầy khó khăn đó, tập thể CBNV Bảo Long vẫn luôn kề vai sát cánh để cùng nhau vượt qua giai đoạn lịch sử này.

Bên cạnh sự nỗ lực, cố gắng không ngừng nghỉ của toàn thể CBNV thì sự ủng hộ của Quý Khách hàng/ Quý Đối tác/ Quý Cổ đông đã giúp Bảo Long kết thúc năm 2020 với kết quả ấn tượng: Tổng doanh thu bảo hiểm đạt 1.438 tỷ đồng, hoàn thành gần 95% kế hoạch kinh doanh; Trong đó, Doanh thu bảo hiểm gốc đạt 1.275 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với cùng kỳ năm trước; Lợi nhuận trước thuế hoàn thành hơn 210% kế hoạch.

Năm 2020 cũng là năm Bảo Long tròn 25 năm thành lập, Bảo Long đã có nhiều hoạt động nổi bật như: Tổ chức thành công Chương trình talkshow “Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng”; Thực hiện chương trình khuyến mại “Bảo Long

- Vì một cộng đồng bình an và thịnh vượng”; Ra mắt gói sản phẩm Điều trị ung thư quốc tế Global Cancer Care thông qua chương trình “Bảo Long – Vì chúng tôi quan tâm đến bạn” cùng nhiều hoạt động hướng về cộng đồng. Đây cũng là món quà tri ân sâu sắc mà Bảo Long muốn gửi đến Quý Khách hàng/ Quý Đối tác/ Quý Cổ đông và các thể hệ CBNV Bảo Long đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Bảo Long trong suốt thời gian qua.

Với mục tiêu và chiến lược kinh doanh rõ ràng, Bảo Long vẫn đang “Tiếp bước hành trình” khẳng định vị thế để trở thành công ty bảo hiểm được tín nhiệm hàng đầu. Trên tinh thần đó, Bảo Long không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc gia tăng tiềm lực tài chính; Cải tiến và phát triển danh mục sản phẩm, kênh phân phối; Nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của Quý Khách hàng. Mặt khác, tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng nhân sự, xây dựng hình ảnh Thương hiệu của Bảo Long trên thị trường và tiếp tục đẩy mạnh các dự án công nghệ thông tin để bắt kịp xu thế Insurtech trong thời đại 4.0.

Bảo Long nhận thức rằng, để thành công và phát triển bền vững, bên cạnh định hướng chiến lược phù hợp thì việc trân trọng giá trị đạo đức kinh doanh, mang đến sản phẩm thực, giá trị thực, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho Quý Khách hàng/ Quý Đối tác/ Quý Cổ đông và xã hội là triết lý kinh doanh đầy tính nhân văn mà Bảo Long luôn hướng đến. Với lòng quyết tâm và sự nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị/ Ban Kiểm soát/ Ban Điều hành và toàn thể Cán bộ - Nhân viên, Bảo Long sẽ không phụ lòng tin yêu, sự kỳ vọng của Quý Khách hàng/ Quý Cổ đông và luôn là người bạn đồng hành trên hành trình đi đến sự thịnh vượng của Quý Đối tác.

Trân trọng,

NGUYỄN THÀNH LONG
Chủ tịch HĐQT

01

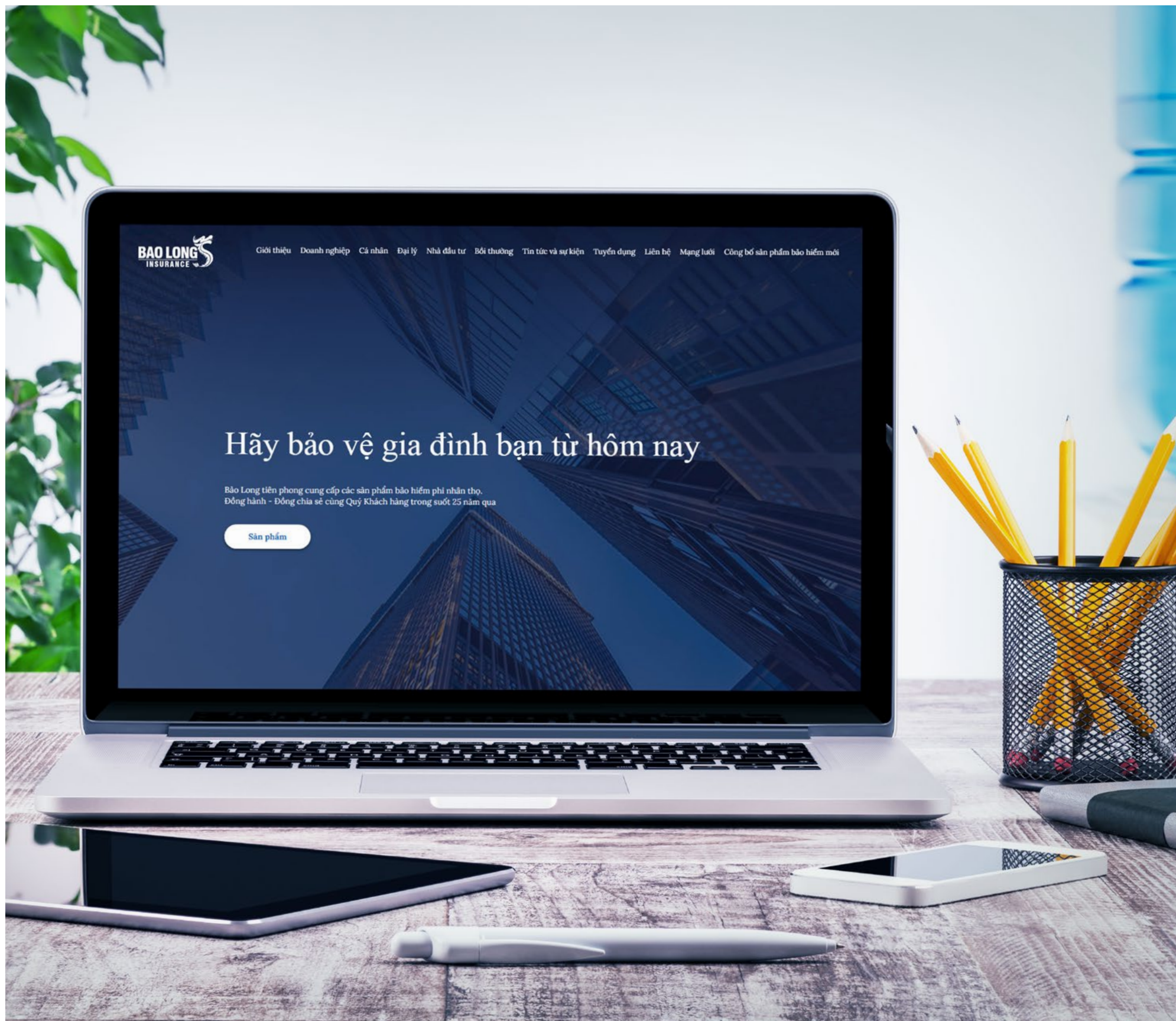
GIỚI THIỆU TỔNG CỘNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG



VỮNG BƯỚC *hành trình*

Trải qua 25 năm hình thành và phát triển, Bảo Long đã nỗ lực không ngừng để dần khẳng định vị thế của mình trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. Tập thể CBNV Bảo Long luôn tự hào về truyền thống văn hóa nhân văn và các thành tựu đã đạt được trong suốt thời gian qua. Phát huy truyền thống tốt đẹp ấy, Bảo Long quyết tâm phấn đấu đạt các mục tiêu cao hơn trong tất cả hoạt động, tiếp tục phát triển an toàn và bền vững, góp phần vào sự thịnh vượng của đất nước và người dân

TỔNG QUAN VỀ BẢO LONG



THÔNG TIN CÔNG TY

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Tên tiếng Anh : **Bao Long Insurance Corporation**

Tên giao dịch : **Bảo hiểm Bảo Long**

Tên viết tắt : **Bảo Long**

Địa chỉ : **185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Điện thoại: : **(84.28) 38 239 219**

Fax: : **(84.28) 38 228 967**

Website : **www.baolonginsurance.com.vn**

Tài khoản số : **156 01 0126637 0001 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch, TP.HCM**

Vốn điều lệ : **600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)**

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BẢO LONG

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm vào ngày 11/07/1995, với tên gọi là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng.

Bảo Long là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm Phi nhân thọ tại Việt Nam và đã được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận số 05TC/GCN xác nhận đủ tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Ngày 14/5/2012 Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long).

Trải qua hơn 25 năm hoạt động và phát triển, với 46 công ty thành viên và gần 1,000 đại lý bảo hiểm cùng năng lực tài chính hùng mạnh, đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, Bảo Long hoàn toàn có khả năng đáp ứng được mọi nhu cầu bảo hiểm của Khách hàng.

SLOGAN

ĐỒNG HÀNH - ĐỒNG CHIA SẺ

Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các khách hàng của mình. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, Bảo Long đã và luôn sẵn sàng đồng hành cùng các nhà đầu tư Việt Nam mở rộng thị trường bảo hiểm đến với các thị trường trong khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar...

TẦM NHÌN

Trở thành Công ty Bảo hiểm được tin nhiệm hàng đầu.

SỨ MỆNH

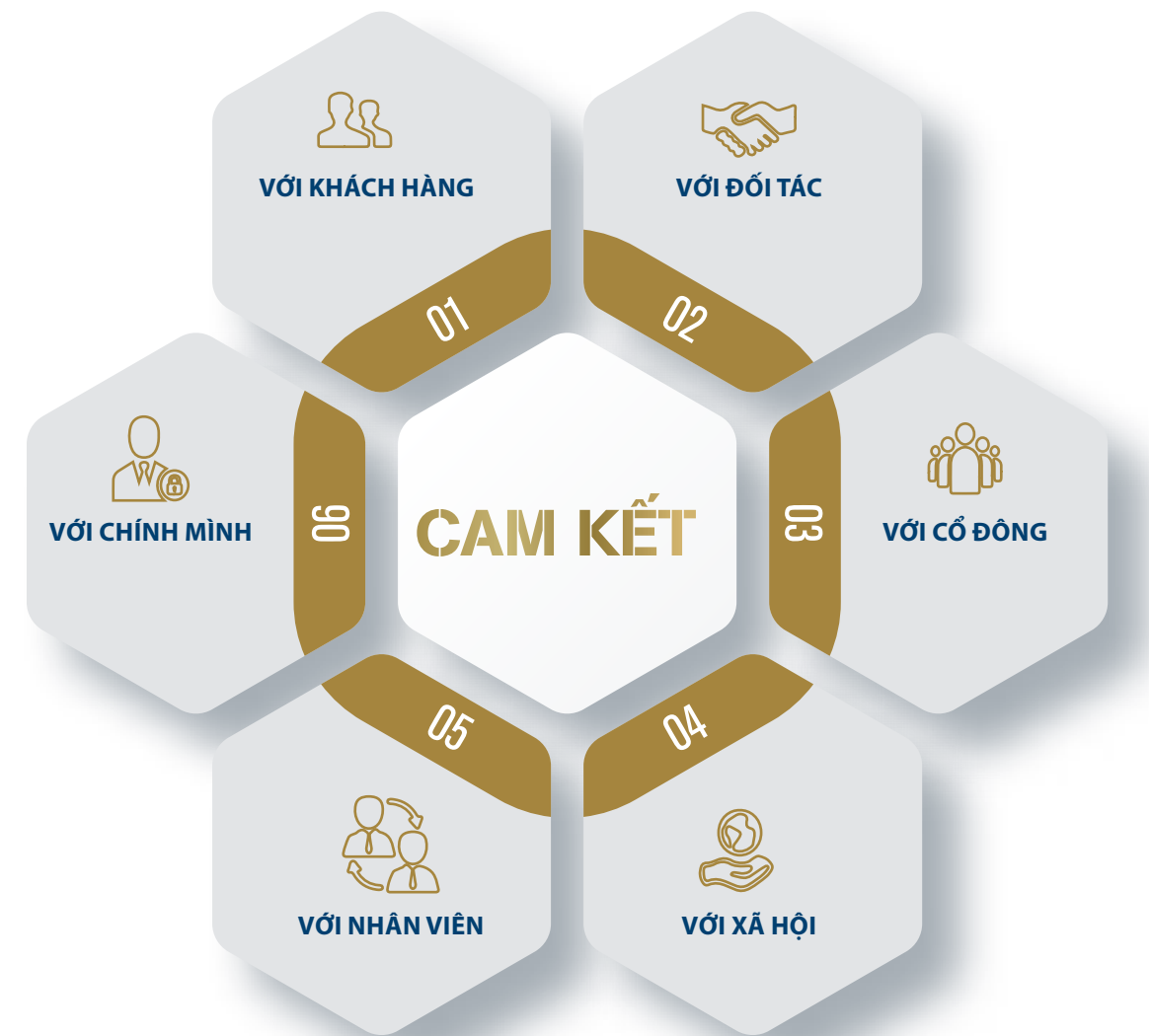
Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Khách hàng là trọng tâm

Đội ngũ chính trực

Không ngừng đổi mới



VỚI KHÁCH HÀNG

Thấu hiểu mọi nhu cầu của khách hàng, đưa ra giải pháp sản phẩm tối ưu, đảm bảo dịch vụ nhanh chóng, chính xác.

VỚI ĐỐI TÁC

Hợp tác lâu dài, chia sẻ cơ hội cùng phát triển.

VỚI CỔ ĐÔNG

Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.

VỚI XÃ HỘI

Tuân thủ quy định pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

VỚI NHÂN VIÊN

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng động và chuyên nghiệp, đảm bảo chế độ đãi ngộ công bằng và tạo điều kiện phát triển cho tất cả cán bộ nhân viên.

VỚI CHÍNH MÌNH

Không ngừng phấn đấu, đổi mới và hoàn thiện.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

46

TỔNG SỐ
CÔNG TY THÀNH VIÊN

GẦN

1.000

TỔNG SỐ ĐẠI LÝ
BẢO HIỂM TRÊN TOÀN QUỐC

230

TỔNG SỐ ĐIỂM
GIAO DỊCH BẢO HIỂM



CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI TÁC



CỔ ĐÔNG

Bảo Long vinh dự có các cổ đông là những Doanh nghiệp có uy tín hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, dịch vụ ở Việt Nam.

Hiện nay, Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB), Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) là những cổ đông lớn của Bảo Long.

ĐỐI TÁC

Trong quá trình kinh doanh bảo hiểm, Bảo Long vinh dự được cộng tác với nhiều đối tác lớn thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau:

- ★ Ngân hàng: là những ngân hàng hàng đầu như SCB, Eximbank, Tienphongbank, Sacombank, OCB, VietCapitalbank, KienLongbank...
- ★ Kênh phân phối bảo hiểm truyền thống là các công ty môi giới hàng đầu trên thị trường như Aon, Marsh, Gras Savoye Willis, Jardine Lloyd's Thompson, Benfield...
- ★ Kênh phân phối bảo hiểm mới như Viettel, Smart Buddy, ManuLife, MSH, Pharmacy, Momo...
- ★ Tái bảo hiểm: Ngoài ra, Bảo Long đã cộng tác rất hiệu quả và nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các nhà Tái bảo hiểm lớn trên thế giới như CCR (Caisse Centrale de Reassurance), Swiss Re, Munich Re, ACR; Lloyd's syndicate, QBE, AIG...

HÀNH TRÌNH TẠO DỰNG MỘT CỘNG ĐỒNG BÌNH AN VÀ THỊNH VƯỢNG

Ngày 11/07/1995, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (tiền thân là Công ty cổ phần bảo hiểm Nhà Rồng) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh. Bảo Long là Công ty Cổ phần Bảo Hiểm đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

Năm 2013, Bảo Long đã mở rộng mạng lưới hoạt động thông qua việc thành lập thêm 6 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 19 đơn vị.

Ngày 11/12/2015, hơn 40,3 triệu cổ phiếu (CP) của Bảo Long chính thức được giao dịch trên sàn uPCoM, với mã chứng khoán BLI.

Cùng năm đó, Bảo Long đã kỷ niệm 20 năm thành lập, chính thức tăng vốn điều lệ lên 404 tỷ đồng, thành lập thêm 9 đơn vị thành viên nâng tổng số đơn vị thành viên lên 30 đơn vị, và vinh dự nhận được giải thưởng "Dịch vụ bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2015" do Tổ chức Global Banking and Finance Review Awards của Anh bình chọn.

Bảo Long tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 404 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 71/GPD9C9/KDBH do Bộ Tài Chính cấp, thành lập thêm 11 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 41 đơn vị.

Năm 2016, Bảo Long vinh dự được bình chọn Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam

Với mục tiêu **CHUYỂN ĐỔI TOÀN DIỆN – NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU**, Bảo Long đã đạt được dấu ấn 1.092 TỶ ĐỒNG doanh thu, vượt cột mốc 1.000 tỷ đồng, đánh dấu một tầm cao mới của Bảo Long trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. Đây là bước đệm quan trọng để Bảo Long hướng đến Doanh nghiệp 2.000 tỷ vào năm 2022 theo chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

**NỖ LỰC BỨT PHÁ TRONG
BỐI CẢNH DỊCH BỆNH**

1.438 Tỷ VND
DOANH THU
PHÍ BẢO HIỂM 2020

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
↑ 58%
So với cùng kỳ

Bảo Long kỷ niệm 25 năm thành lập bằng nhiều hoạt động nổi bật như tổ chức thành công chương trình talkshow **"Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng"**, thực hiện chương trình khuyến mại **"Bảo Long - Vì một cộng đồng bình an và thịnh vượng"**, ra mắt gói sản phẩm Điều trị ung thư quốc tế Global Cancer Care thông qua chương trình **"Bảo Long - Vì chúng tôi quan tâm đến bạn"** và cùng nhiều hoạt động hướng về cộng đồng.

Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng **Top 10 Thương hiệu Mạnh ASEAN và Thương hiệu Tin & Dừng Việt Nam**.



Ngày 14/5/2012, Bộ Tài Chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Năm 2014 là năm đánh dấu một cột mốc mới của Bảo Long khi cơ cấu cổ đông có sự thay đổi lớn. Ngày 14/04/2014, Bảo Long được Bộ Tài Chính cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH chấp thuận Ngân Hàng TMCP Sài Gòn là cổ đông chiến lược của Bảo Long. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 2 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 21 đơn vị.

Ngày 07/04/2017, Bảo Long chính thức tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC18/KDBH do Bộ Tài chính cấp. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 05 đơn vị thành viên nâng tổng số đơn vị thành viên lên 46 đơn vị thành viên và tiếp tục nhận được giải thưởng Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam.

Năm 2019, Bảo Long tiếp tục kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức, phân vùng hoạt động kinh doanh thành 2 trung tâm kinh doanh miền và 9 vùng trải dài từ Bắc chí Nam. Bảo Long tiếp tục nhận được các giải thưởng Thương hiệu Mạnh và Tin & Dừng Việt Nam.

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

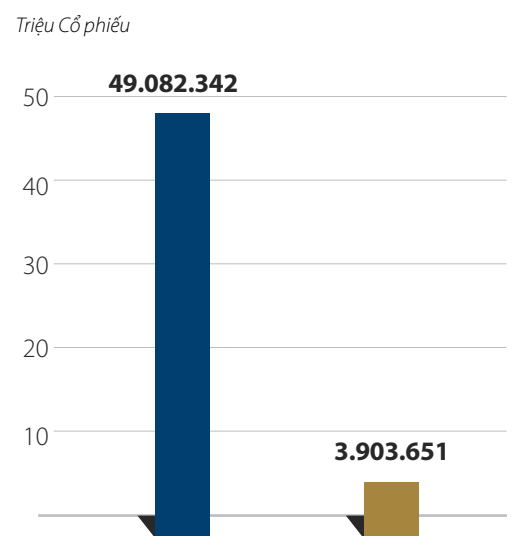


6000

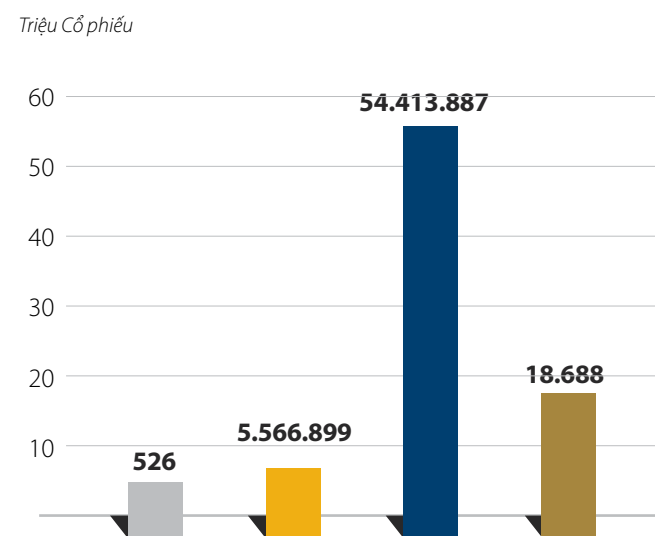
Tỷ VND

VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ của Công ty	: 600.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 600.000.000.000 đồng
Số cổ phiếu đang lưu hành	: 59.999.474 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	: 526
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Số cổ phiếu niêm yết	: 60.000.000 cổ phiếu



■ Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) : 49.082.342
 ■ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) : 3.903.651



■ Cổ phiếu quỹ : 526 cổ phiếu
 ■ Cá nhân trong nước : 5.566.899 cổ phiếu
 ■ Tổ chức trong nước : 54.413.887 cổ phiếu
 ■ Cá nhân nước ngoài : 18.688 cổ phiếu



SỰ KIẾN NỔI BẬT NĂM 2020



30/03/2020

Bảo Long thực hiện chương trình khuyến mại “**Bảo Long - Vì một cộng đồng bình an và thịnh vượng**”, với tổng giá trị giải thưởng lên đến 25 lượng vàng SJC.



08/05/2020

Ủng hộ 200 bồn chứa nước cùng nhân dân miền Tây phòng chống hạn mặn.



11/07/2020

Tổ chức thành công chương trình talkshow “**Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng**” nhằm gửi lời tri ân sâu sắc đến các Khách hàng và các thể hệ Bảo Long đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Bảo Long trong suốt 25 năm qua và định hướng của Bảo Long trong giai đoạn mới. Ngoài ra, khán giả còn được chia sẻ về kinh nghiệm tham gia bảo hiểm nhằm chọn lựa cho bản thân và gia đình những gói bảo hiểm phù hợp nhất



30/10/2020

Bảo Long kết hợp cùng đối tác quốc tế LUMA đã chung tay hỗ trợ bệnh nhân ung thư tại bệnh viện Ung Bướu Tp.HCM.



05/12/2020

Bảo Long vinh dự nhận được giải thưởng **Top 10 Thương hiệu Mạnh ASEAN** năm 2020 do Trung tâm nghiên cứu phát triển Doanh nghiệp Châu Á phối hợp cùng CLB Doanh nhân Việt Nam và tổ chức quốc tế Asia Business Centre công nhận.



21/04/2020

Ủng hộ 200 triệu đồng đến Ban vận động Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 Thành phố nhằm tiếp sức cùng Đơn vị tuyến đầu phòng chống dịch.



20/05/2020

Bảo Long vinh dự nhận được giải thưởng **Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam** năm 2020 do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) công nhận.



05/10/2020

Bảo Long vui Trung Thu cùng các trẻ em kém may mắn tại Trung tâm Chắp Cánh – Nhà May Mắn, trực thuộc Tổ chức Maison Chance.



10/11/2020

Bảo Long vinh dự nhận giải thưởng **Top10 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất ngành Bảo hiểm** năm 2020 do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) công nhận.



16/12/2020

Ra mắt **gói sản phẩm bảo hiểm Điều trị ung thư Quốc tế - Global Cancer Care** phát triển cùng đối tác quốc tế LUMA Care, có quyền lợi ưu việt cùng mức phí đa dạng và linh hoạt, phù hợp với thu nhập, khả năng tài chính của đại đa số người dân Việt Nam.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Bảo Long đã khẳng định được năng lực phục vụ và giá trị thương hiệu thông qua các giải thưởng trong và ngoài nước

Năm 2006

CÚP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT

Năm 2009

BẰNG KHEN DOANH NGHIỆP ĐÃ CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH ĐÓNG GÓP VÀO QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM TỪ NĂM 1999 – 2009

Năm 2012

TOP **20**
DỊCH VỤ VÀNG VIỆT NAM

Năm 2015

BẰNG KHEN CỦA BỘ TÀI CHÍNH VỀ VIỆC “ĐÃ CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM TRONG GIAI ĐOẠN TỪ 2010 ĐẾN 2015.”

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN

“DỊCH VỤ BẢO HIỂM TỐT NHẤT VIỆT NAM 2015”. do Tạp chí *Global Banking & Finance review* của Anh Quốc bình chọn

Năm 2017

TOP **20**
THƯƠNG HIỆU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TOP **20**

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHẤT LƯỢNG CAO 2017
VỚI SẢN PHẨM BẢO HIỂM BẢO TÂM AN

Năm 2006 - 2018

TOP **10**
CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM UY TÍN
3 NĂM LIÊN TIẾP (2016-2018)

Năm 2018 - 2019

TOP **500**
DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM
– THEO MÔ HÌNH FORTUNE 500
2 NĂM LIÊN TIẾP (2018-2019)

Năm 2016 -2019

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN
THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM
4 NĂM LIÊN TIẾP (2015-2019)

do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

Năm 2019 - 2020

DANH HIỆU THƯƠNG HIỆU TIN & DÙNG VIỆT NAM
2 NĂM LIÊN TIẾP (2019-2020)

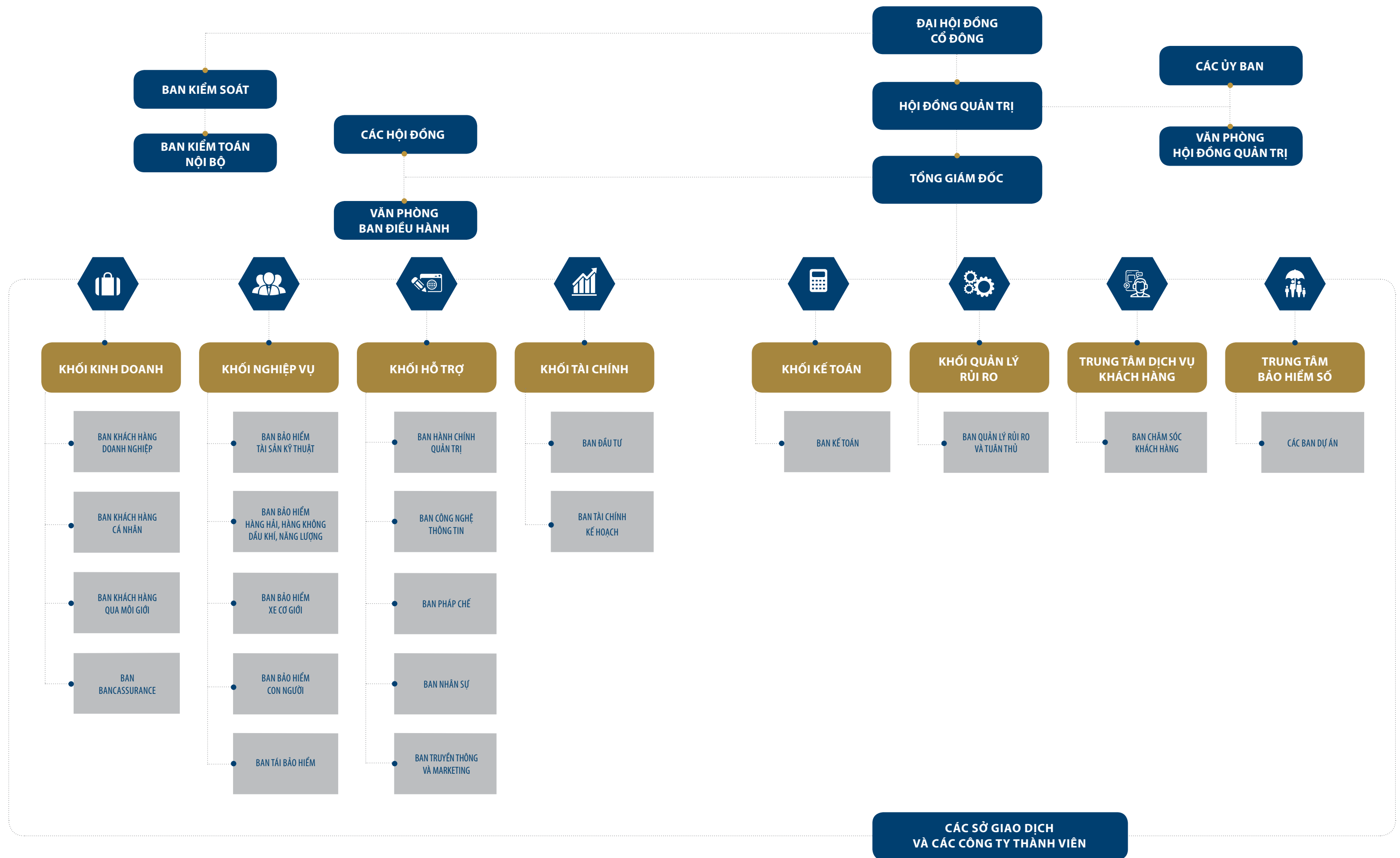
Năm 2020

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN

THƯƠNG HIỆU MẠNH ASEAN



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN THÀNH LONG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Long tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh tế thương mại, tốt nghiệp khóa lý luận chính trị cao cấp tại Trường Nguyễn Ái Quốc 2.

Ông Nguyễn Thành Long nguyên là Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN (Eximbank), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC).

Hiện nay, Ông Nguyễn Thành Long đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Chủ tịch HĐQT tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).



Ông NGUYỄN VĂN HÙNG
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và tham gia chương trình sau đại học Fulbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Nguyễn Văn Hùng từng làm việc tại Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ các trọng trách sau: Phó Giám đốc Chi nhánh An Đông, Trưởng phòng Huy động và tiền gửi tiết kiệm Hội sở, Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối Hội sở, Kế toán trưởng Hội sở và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Hiện nay, Ông Nguyễn Văn Hùng đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông NGUYỄN HỮU TUẤN
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Tuấn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.

Ông Nguyễn Hữu Tuấn từng làm việc tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp. HCM; Phó Trưởng phòng Tư vấn, Giám đốc pháp lý và tuân thủ nội bộ Công ty CP Chứng khoán Tp. HCM; Giám đốc Tư vấn và tài chính doanh nghiệp Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn Tourist.

Hiện nay, Ông Nguyễn Hữu Tuấn đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Phương Đông.



Ông TRƯƠNG KHÁNH HOÀNG
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Trương Khánh Hoàng tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ngân hàng – ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Ông Hoàng có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí như: Giám sát phụ trách Thị trường vốn & Quan hệ đầu tư – Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova; Giám đốc phụ trách Tài chính dự án cấp cao – Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Alpha King; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Tài thẩm định, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Điều hành Khối Phê duyệt Tín dụng và Xử lý nợ – Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực - Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Ông PHAN QUỐC DŨNG
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fulbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Phan Quốc Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Bà PHẠM MINH CHÂM
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, Ngân hàng tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Ông NGUYỄN CỬU TÍNH
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Cửu Tính tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Ông Nguyễn Cửu Tính từng giữ nhiều chức vụ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn như Thư ký Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng, Phó Giám đốc Chi nhánh Chợ Lớn, Phó Giám đốc Chi nhánh Khánh Hòa, quyền Giám đốc Chi nhánh Củ Chi và Giám Đốc Chi nhánh Gia Định.

Hiện nay, Ông Nguyễn Cửu Tính giữ chức vụ thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà LÊ THỊ THANH BÌNH
Trưởng Ban Kiểm Soát

Bà Lê Thị Thanh Bình tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh; là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

Bà Lê Thị Thanh Bình từng giữ những chức vụ tại Bảo Long như: Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Giám đốc Ban Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát.

Hiện nay, Bà Lê Thị Thanh Bình giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long.



Bà NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY
Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Nguyễn Thị Tường Vy tốt nghiệp cử nhân Kinh tế.

Bà Nguyễn Thị Tường Vy có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng và từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa; Chuyên viên cao cấp trực thuộc Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà Nguyễn Thị Tường Vy giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó trưởng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông VÕ HOÀNG DUY TRINH
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ông Võ Hoàng Duy Trinh tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng – Đại học Ngân hàng và Cử nhân Luật tổng hợp – Đại học Trà Vinh.

Ông Võ Hoàng Duy Trinh có hơn 11 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như: Phó phòng Quản lý Rủi ro Vận hành, Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Vận hành tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông Võ Hoàng Duy Trinh giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó Giám đốc Phòng Đào tạo Kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông TÔN THẮT DIÊN KHOA
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ông Tôn Thất Diên Khoa tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế.

Ông Tôn Thất Diên Khoa từng đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Kinh doanh Ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).

Hiện nay, Ông Tôn Thất Diên Khoa giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Giám đốc Đầu tư Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông PHAN QUỐC DŨNG
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fulbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Phan Quốc Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Bà PHẠM MINH CHÂM
Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Điều hành

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán – Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, ngân hàng tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long



Ông HÀ MINH HIẾU
Kế Toán Trưởng

Ông Hà Minh Hiếu tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán – Kiểm toán thuộc Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hiếu có hơn 06 năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, đảm nhiệm Chức vụ Trưởng nhóm Kiểm toán; hơn 08 năm làm việc trong ngành bảo hiểm tại Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Long, từng đảm nhiệm các chức vụ Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế hoạch Tổng CTCP Bảo hiểm Bảo Long và Trưởng phòng Kế toán - Tổng hợp Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn.

Hiện nay, ông Hà Minh Hiếu đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Ông DƯƠNG QUANG NGỌC
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Dương Quang Ngọc tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing. Ông Ngọc hơn 19 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ. Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ tại Bảo Long: Trợ lý Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản - Kỹ thuật, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban Dự án thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Ngọc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đông Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Ông TRẦN THANH NAM
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Trần Thanh Nam tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, chương trình Thạc sĩ Việt - Bỉ (MMVB2).

Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ: Giám đốc Dự án Coca-Cola Beverages Vietnam Ltd, Giám đốc Công ty TNHH XD & TM Giang Nam, Phó Giám đốc Công ty TNHH Bất Động sản Vinaland, Chánh văn phòng HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nam giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Ông NGUYỄN NGỌC LÂN
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Nguyễn Ngọc Lân tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh của Đại học Griggs.

Ông Nguyễn Ngọc Lân có hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Lân từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Giám đốc Bảo Minh Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Giám đốc Công ty Bảo hiểm SVIC Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nguyễn Ngọc Lân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 9 - Đông Bắc kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Bà LÊ THANH HẰNG
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Bà Lê Thanh Hằng tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh điều hành của UBI.

Bà Lê Thanh Hằng có trên 25 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Bà từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Phó Phòng hàng hải, Trưởng phòng hàng hải, Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng, Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long. Ngoài ra, Bà Hằng đang là Giảng viên thỉnh giảng của trường Đại học Kinh tế TP HCM.

Hiện nay, Bà Lê Thanh Hằng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 5 - Tây Nguyên kiêm Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Ông ĐOÀN TRỌNG THẮNG
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Đoàn Trọng Thắng tốt nghiệp cử nhân Tài chính - Kế toán tại trường Đại học Kinh tế.

Ông Đoàn Trọng Thắng có hơn 27 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 11 năm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Thắng từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Kế toán trưởng Trung tâm Dịch vụ - Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford); Trưởng phòng Kinh doanh số 5 - Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng, Phó Giám đốc Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng, Phó Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành; Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Đoàn Trọng Thắng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 2 - Hà Nội kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Ông HÀ HOÀNG GIANG
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Hà Hoàng Giang tốt nghiệp Kỹ sư ngành Máy Tàu thủy – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Ông Hà Hoàng Giang có hơn 28 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 23 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông làm việc tại Công ty Vận tải biển Khánh Hòa, Công ty Bảo hiểm PJICO, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Kỹ sư máy tàu viễn dương, Trưởng phòng Khu vực, Trưởng phòng Bảo hiểm Hàng hải, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Ông Hà Hoàng Giang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Trưởng Ban khai thác Dự án lớn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Bà NGUYỄN THÚY HẰNG
Giám Đốc khối kiêm Chánh Văn Phòng HĐQT

Bà Nguyễn Thúy Hằng tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh trường Đại học Tài chính – Marketing.

Bà Nguyễn Thúy Hằng từng đảm nhiệm vị trí Phó phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà Hằng đang giữ chức vụ Giám đốc Khối Hỗ trợ kiêm Chánh Văn phòng HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2018 – 2023

TRỞ THÀNH CÔNG TY BẢO HIỂM ĐƯỢC TÍN NHIỆM HÀNG ĐẦU

Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc gia tăng tiềm lực tài chính; Cải tiến và phát triển danh mục sản phẩm, kênh phân phối; Nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của Khách hàng. Mặt khác, tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng nhân sự, xây dựng hình ảnh Thương hiệu của Bảo Long trên thị trường. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các dự án CNTT để bắt kịp xu thế Insurtech trong thời đại 4.0.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG



1. Chung tay xây dựng Đất nước giàu mạnh, tạo công ăn việc làm cho Người Lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ người nghèo.

2. Đa dạng sản phẩm bảo hiểm để tạo ra nhiều sự lựa chọn cho Khách hàng, chia sẻ rủi ro với Cộng đồng.

3. Góp phần ổn định thị trường bảo hiểm, phát triển kinh tế trong nước.

4. Tiếp sức cho thế hệ trẻ tương lai của Đất nước có điều kiện học tập, trau dồi kiến thức thông qua các công tác từ thiện hàng năm.

1

2

3

4



VIỆC TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP VỪA GIÚP DOANH NGHIỆP TẠO DỰNG ĐƯỢC MỘT CÔNG CỤ HIỆU QUẢ VỪA TẠO THÊM GIÁ TRỊ MỚI VÀ BẢO TOÀN GIÁ TRỊ CHO DOANH NGHIỆP.

Trước sự xuất hiện của các rủi ro ngày càng đa dạng, Bảo Long không ngừng nỗ lực xây dựng, hoàn thiện các giải pháp, công cụ để đo lường và giảm thiểu rủi ro. Qua đó, Bảo Long và các Công ty thành viên xác định, phân loại và đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, đảm bảo các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả, đảm bảo sự cân bằng giữa quản lý rủi ro và tốc độ tăng trưởng. Việc triển khai thành công khung Quản trị rủi ro Doanh nghiệp vừa giúp Doanh nghiệp tạo dựng được một công cụ hiệu quả vừa tạo thêm giá trị mới và bảo toàn giá trị cho doanh nghiệp.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro chiến lược của Bảo Long có thể phát sinh từ những thay đổi trong chiến lược/ chính sách của Chính phủ về ngành bảo hiểm hay các định chế tài chính và các ngành có liên quan, cũng như phát sinh từ việc Bảo Long định hướng chiến lược không đúng đắn hoặc tập trung vào quá nhiều mục tiêu, phản ứng chậm đối với những thay đổi về xu hướng trong kinh doanh của thị trường,... Bảo Long đã và đang áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ để giảm thiểu rủi ro chiến lược.

RỦI RO VẬN HÀNH

RỦI RO BẢO HIỂM

Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động kinh doanh chính yếu của Bảo Long và trong quá trình đó Bảo Long có thể gặp phải các rủi ro như: rủi ro về thiết kế, phát triển và quản lý sản phẩm, rủi ro về thẩm định và cấp đơn bảo hiểm, rủi ro về giám định bồi thường, rủi ro về giá,...

Để hạn chế rủi ro, Bảo Long luôn chủ động tăng cường hoạt động đánh giá rủi ro cũng như rà soát các điều kiện chấp nhận bảo hiểm có mức độ tác động nhỏ thông qua việc duy trì và phát triển kênh bán lẻ, kênh Bancassurance, hướng đến Khách hàng cá nhân; hạn chế các rủi ro thuộc nhóm có nguy cơ cao, tăng cường đánh giá rủi ro đối với các loại rủi ro bảo hiểm mới, phân loại các rủi ro bảo hiểm, chia sẻ các rủi ro có mức độ tác động lớn thông qua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ, cũng như hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ Cán bộ nhân viên,...



RỦI RO GIAN LẬN VÀ TRỰC LỢI

Rủi ro gian lận và trực lợi bảo hiểm có thể phát sinh từ hành vi cố tình gian dối, lừa đảo có thể có chủ ý ngay từ khi tham gia bảo hiểm hoặc phát sinh sau khi đã xảy ra rủi ro cho đối tượng bảo hiểm nhằm chiếm đoạt tiền của Bảo Long mà đáng lý ra họ không được hưởng.

Bảo Long đang thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát, thiết lập và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm: quản lý rủi ro, kiểm soát tuân thủ và kiểm toán nội bộ; nâng cao trình độ nghiệp vụ của Cán bộ nhân viên, cũng như nâng cao nhận thức về pháp lý, văn hóa quản lý rủi ro,... để góp phần giảm thiểu rủi ro.

RỦI RO TÀI CHÍNH

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc không hoặc không có khả năng không thu hồi được các khoản nợ từ Khách hàng tham gia bảo hiểm và các khoản đầu tư tài chính của Bảo Long tại các Đối tác (tiền gửi Ngân hàng, các công cụ tài chính khác). Bảo Long đã áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp để hạn chế rủi ro này.

RỦI RO THANH KHOẢN

Mục tiêu của Bảo Long là đảm bảo cân đối các dòng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Bảo Long đã xây dựng và áp dụng những biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

RỦI RO LÃI SUẤT

Với những biến động của thị trường tài chính trong thời gian vừa qua, Bảo Long thường xuyên rà soát để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

RỦI RO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

Rủi ro hiệu quả đầu tư phát sinh từ những sai lầm về Chiến lược đầu tư không phù hợp năng lực Bảo Long và/hoặc tình hình thị trường hay việc tập trung quá mức đối với một công cụ tài chính riêng lẻ dẫn đến thiệt hại đối với thu nhập từ đầu tư hay thiệt hại vốn đầu tư của Bảo Long. Để kiểm soát rủi ro này, Bảo Long luôn thận trọng trong việc hoạch định chiến lược đầu tư, tái đánh giá định kỳ hiệu quả từng danh mục đầu tư, cũng như tuân thủ đầy đủ các quy định về giới hạn đầu tư theo quy định pháp luật.

RỦI RO TỶ GIÁ NGOẠI TỆ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Bảo Long. Đặc biệt trong tình hình hội nhập sâu rộng như hiện nay.

RỦI RO KHÁC

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là các rủi ro phát sinh từ việc tuân thủ các quy định của pháp luật. Hiện nay, Bảo Long đang kiểm soát các rủi ro này bằng việc rà soát, cập nhật các quy định mới để có các biện pháp điều chỉnh phù hợp.

RỦI RO NHÂN SỰ

Con người là yếu tố then chốt và chủ yếu đến sự tồn tại và phát triển của Bảo Long. Rủi ro nhân sự là rủi ro phát sinh từ những sai lầm hoặc thiếu sót trong công tác Quản trị nhân sự như: tuyển dụng, đào tạo, chính sách đãi ngộ,... Bảo Long đang hướng đến việc xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp cùng một chính sách thu hút và duy trì nhân sự tối ưu để đảm bảo đời sống của Cán bộ nhân viên, tạo điều kiện cống hiến và phát triển bền vững tại Bảo Long nhằm góp phần hạn chế rủi ro này.

02

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
KINH DOANH NĂM 2020
& KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
NĂM 2021**



PHÁT HUY
Sức mạnh

Năm 2020 là năm đặt ra nhiều thử thách cho nền kinh tế cũng như các Doanh nghiệp bảo hiểm, nhưng với sự đoàn kết và tinh thần đổi mới, nội lực được vun đắp qua nhiều thế hệ cùng chiến lược kinh doanh phù hợp, sản phẩm - dịch vụ mang bản sắc riêng, Bảo Long tự tin tiếp bước trên hành trình tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng.



1.438.062² Triệu VNĐ

DOANH THU
PHÍ BẢO HIỂM 2020

↑ 17,4% so với năm 2019

NĂM 2020 VỪA QUA, TOÀN THỊ TRƯỜNG ĐÃ CHỨNG KIẾN NHIỀU THỬ THÁCH ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ NÓI CHUNG VÀ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ NÓI RIÊNG. NHƯNG VỚI SỰ ĐOÀN KẾT VÀ BẢN SẮC RIÊNG TRONG KINH DOANH, BẢO LONG ĐÃ KẾT THÚC NĂM 2020 VỚI KẾT QUẢ ẤN TƯỢNG: DOANH THU TĂNG TRƯỞNG HƠN 17%, LỢI NHUẬN HOÀN THÀNH HƠN 210% KẾ HOẠCH. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC LÀ SỰ KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ CỦA BẢO LONG TRÊN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM.

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1.438 Tỷ VND

DOANH THU
PHÍ BẢO HIỂM 2020

83,4 Tỷ VND

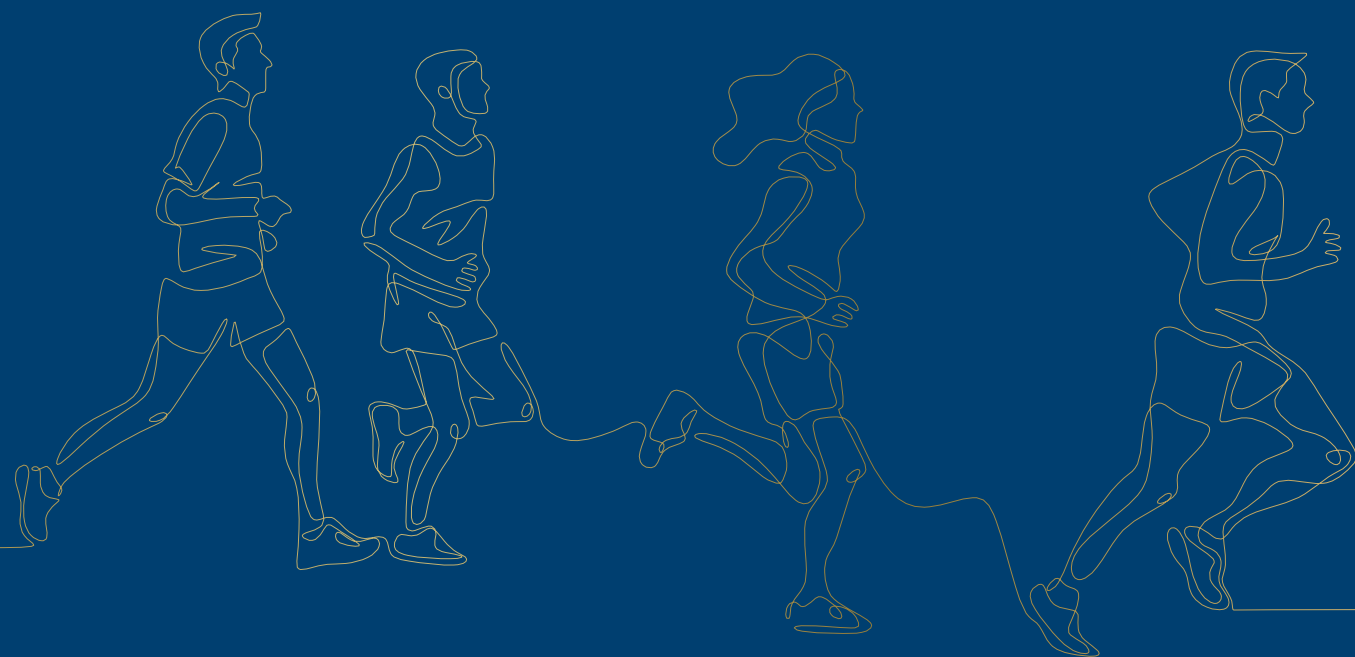
LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ NĂM 2020

66,6 Tỷ VND

LỢI NHUẬN
SAU THUẾ NĂM 2020

2.282 Tỷ VND

TỔNG TÀI SẢN
NĂM 2020



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	KH 2020 triệu đồng	TH 2020 triệu đồng	HTKH %
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM			
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.520.000	1.438.062	95%
- Chi phí hoạt động kinh doanh BH	(1.463.212)	(1.369.920)	94%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	56.788	68.142	120%
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH			
- Doanh thu	96.084	113.469	118%
- Chi phí	(8.294)	(5.796)	70%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	87.790	107.673	123%
Thu nhập từ hoạt động khác	(1.012)	108	-11%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(103.895)	(92.533)	89%
Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế	39.671	83.390	210%

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2020	HTKH %
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	690.811	730.791	105,8%
Vốn chủ sở hữu (*)	675.597	706.275	104,5%
Danh mục đầu tư	1.158.307	1.281.012	110,6%
Tổng tài sản	2.150.000	2.281.676	106,1%

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

1.438 Tỷ VND

DOANH THU
PHÍ BẢO HIỂM 2020

↑ 17,4%
So với năm 2019

Doanh thu từ phí bảo hiểm

Doanh thu từ phí bảo hiểm đạt 1.438 tỷ đồng, tăng trưởng 17,4% so với năm 2019, hoàn thành 94,6% kế hoạch đề ra. Mặc dù chỉ hoàn thành gần 95% kế hoạch nhưng đây là một con số ấn tượng về tuyệt đối và tương đối mà Bảo Long đã đạt được trong năm 2020 - năm mà toàn thị trường bị ảnh hưởng rất lớn bởi dịch bệnh covid với tốc độ tăng trưởng bình quân toàn thị trường ước tính chỉ đạt 8%.

Chi phí bồi thường

Tỷ lệ chi phí bồi thường trên tổng doanh thu năm 2020 là 35,1%, thấp hơn tỷ lệ kế hoạch 2020 là 35,3%, đây là tỷ lệ bồi thường tính trên doanh thu phí bảo hiểm. Nếu xét trên doanh thu phí thuần (sau khi đã trừ dự phòng phí trích lập), chi phí bồi thường bảo hiểm là 504.6 tương ứng tỷ lệ bồi thường thực tế đạt 39%, bằng với tỷ lệ bồi thường kế hoạch đề ra là 39%.

504.6 Tỷ VND

CHI PHÍ BỒI THƯỜNG
BẢO HIỂM NĂM 2020

đạt 39%
bằng với kế hoạch đặt ra

Chi phí hoa hồng bảo hiểm, chi phí bán hàng và chi phí khác HĐKD tại các đơn vị kinh doanh

Tổng chi phí hoa hồng, chi phí bán hàng và chi phí khác (chi phí dự phòng dao động lớn và chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) cho mục đích kinh doanh trực tiếp tại các đơn vị kinh doanh phát sinh trong năm 2020 là 621.056 triệu đồng, tương ứng 43,2% doanh thu phí bảo hiểm

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2020

NĂM 2020 LÀ NĂM THỨ BA BẢO LONG TRIỂN KHAI 8 NHÓM GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN 5 NĂM, TỪ NĂM 2018 ĐẾN NĂM 2022. TẠI MỖI GIẢI PHÁP CẢ HỆ THỐNG ĐỀU NỖ LỰC ĐỂ HOÀN THÀNH NHỮNG MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐÃ ĐỀ RA.

1 KÊNH PHÂN PHỐI

Hệ thống phân phối của Bảo Long bao gồm kênh khai thác truyền thống là các đơn vị thành viên, hệ thống đại lý, tái bảo hiểm và kênh khai thác hiện đại như bancassurance, mobile assurance, online ... Trong năm 2020, các kênh phân phối của Bảo Long đều ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực. Doanh thu các đơn vị thành viên tăng trưởng 3%, kênh bancassurance tăng trưởng 24% và đặc biệt doanh thu khai thác qua kênh môi giới và doanh thu nhận tái đạt tốc độ tăng trưởng rất ấn tượng lần lượt là 39% và 86% so với cùng kỳ.

Bên cạnh việc thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, đối với mỗi kênh phân phối, Bảo Long đều nỗ lực triển khai các giải pháp để tạo nền tảng phát triển bền vững trong dài hạn, như tăng cường mở rộng và củng cố mạng lưới ngân hàng liên kết, phát triển sản phẩm sức khỏe toàn diện và Bảo Long Care, tiếp tục hợp tác đại lý với các tổ chức bán lẻ và các đối tác chuyên bán sản phẩm du lịch; Tích hợp với app và IBM của các Ngân hàng để triển khai bán hàng...

2 SẢN PHẨM

Để đáp ứng nhu cầu ngày một đa dạng của khách hàng cũng như phù hợp với sự phát triển của hệ thống các kênh phân phối, trong năm 2020 hệ thống sản phẩm của Bảo Long cũng tiếp tục được nâng cấp và đa dạng hóa.

Các sản phẩm hiện hữu được cải tiến để bắt kịp hơn với thực tế kinh doanh như Bảo hiểm thân tàu thủy nội địa, Bảo hiểm TNDS chủ tàu thủy nội địa, Bảo hiểm vật chất xe, Bảo hiểm du lịch, Bảo hiểm sức khỏe. Đặc biệt đối với nhóm Bảo hiểm sức khỏe, Bảo Long ngày càng hoàn thiện hệ thống TPA và direct billing để nâng cao tiện ích cho các khách hàng tham gia loại hình bảo hiểm này.

Đồng thời, Bảo Long cũng triển khai rất nhiều sản phẩm mới như Bảo hiểm trách nhiệm dân sự Chủ thú cưng, Bảo hiểm bệnh ung thư cho mọi giai đoạn, Bảo hiểm điều trị ung thư quốc tế.

3 NGUỒN NHÂN LỰC

Năm 2020, Bảo Long tiếp tục triển khai tổ chức bộ máy và vận hành theo mô hình tổ chức mới: bổ sung thêm chức năng Quản lý Vùng và Trung tâm kinh doanh Miền; Quản lý nghiệp vụ được chia theo line và mỗi line nghiệp vụ sẽ quản lý xuyên suốt từ khâu cấp đơn đến khâu bồi thường.

Ngoài ra, Bảo Long đã hoàn tất công tác xây dựng, đồng bộ dữ liệu nhân sự trên hệ thống phần mềm quản lý nhân sự và sẽ thực hiện triển khai sử dụng toàn hệ thống từ Quý 1/2021.

Quy chế lương cùng hệ thống KPI tiếp tục được chỉnh sửa hoàn thiện để phù hợp hơn với tình hình kinh doanh thực tế.

Về đào tạo, hệ thống đào tạo trực tuyến E learning được tu chỉnh hoàn thiện về giao diện cũng như chức năng, giúp hệ thống thân thiện hơn với người dùng. Các khóa đào tạo được xây dựng nhằm cung cấp kiến thức cho CBNV từ nội dung cơ bản đến nâng cao phù hợp với từng vị trí công việc. Sau mỗi khóa học, CBNV sẽ thực hiện kiểm tra để đánh giá kiến thức đã đạt được sau khóa học, đối với các chức danh quản lý tại ĐVTV, điểm đánh giá sau khóa học cũng là cơ sở để thực hiện tái bổ nhiệm hàng năm.

Văn hóa doanh nghiệp được chú trọng xây dựng thông qua các hoạt động nội bộ bao gồm các nội dung hợp chiến lược, thảo luận nội bộ, các hoạt động truyền thông nội bộ định kỳ hàng tháng, các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

4 THƯƠNG HIỆU

Để nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu, kết nối rộng rãi hơn với người tiêu dùng và cộng đồng kinh doanh trên toàn quốc, Bảo Long tiếp tục thực hiện các hoạt động quảng bá và truyền thông một cách xuyên suốt trong năm 2020. Trong đó, tiêu biểu nhất là tổ chức thành công chương trình truyền thông mừng kỷ niệm 25 năm thành lập Bảo Long "Bảo Long - Vì một cộng đồng bình an và thịnh vượng".

Ngoài ra, Bảo Long tiếp tục thực hiện các chương trình từ thiện trong năm 2020 nhằm đưa thương hiệu Bảo Long tiến đến các giá trị nhân văn: Hỗ trợ người dân ảnh hưởng bởi hạn mặn; Hỗ trợ người dân cùng phòng chống dịch bệnh Covid-19, Hỗ trợ các trẻ em tại Làng Trẻ em Maison Chace vui Trung Thu; Hỗ trợ nhân dân vùng lũ miền Trung.

Năm 2020, Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng lớn từ nhiều tổ chức uy tín như Thương hiệu Mạnh Việt Nam ASEAN năm 2020, Giải thưởng Tin & Dành Việt Nam 2020. Đây là minh chứng cho sự kiên định và nỗ lực không ngừng của Bảo Long trong nhiều năm để mang tới những sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

5 QUY TRÌNH KINH DOANH

Nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng quản lý rủi ro của Bảo Long, trong năm 2020, Bảo Long tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy trình kinh doanh để đảm bảo sự hoạt động thông suốt, hiệu quả trên toàn hệ thống, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Theo đó, nhiều quy trình kinh doanh đã được hoàn thiện bao gồm quy trình hỗ trợ bán hàng, quy trình giám định bồi thường, quy trình quản lý kinh doanh.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2020

6

NĂNG LỰC
TÀI CHÍNH

Theo chiến lược 5 năm, Bảo Long vẫn đang làm việc và tiếp xúc với một số nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện việc tăng vốn lên 1.000 tỷ đồng vào cuối năm 2022.

Bên cạnh mục tiêu tăng vốn để nâng cao năng lực tài chính, Bảo Long vẫn tiếp tục hoàn thiện quy trình quản lý tài chính đảm bảo tình hình tài chính công ty luôn minh bạch, đáp ứng tốt các yêu cầu tuân thủ về thanh khoản và biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

7

CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN

Với định hướng trở thành doanh nghiệp dẫn đầu về sự năng động cải tiến trong việc áp dụng CNTT vào hoạt động kinh doanh, Bảo Long tiếp tục triển khai các dự án CNTT, bao gồm

- Phát triển ứng dụng web dùng cho khách hàng lẻ/ call center sử dụng đối với sản phẩm Bảo Long care, sản phẩm xe cơ giới.
- Hoàn thành cổng thanh toán điện tử tích hợp OnePay dùng cho toàn bộ sản phẩm của Bảo Long
- Tích hợp sản phẩm xe ô tô, xe máy trên web API với đối tác Viettel.
- Phối hợp chuyển đổi hệ thống telesale Viettel sang hệ thống mới.
- Triển khai xây dựng và phát triển hệ thống bảo hiểm số theo từng phân hệ.

8

QUẢN LÝ
RỦI RO

Trên cơ sở Chiến lược Quản lý rủi ro đến năm 2022 đã được Hội đồng Quản trị thông qua, năm 2020 BL tiếp tục thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo công tác quản lý rủi ro vận hành toàn hệ thống được xuyên suốt và liên tục, cụ thể:

- Thường xuyên rà soát và hoàn thành điều chỉnh các quy trình kinh doanh.
- Duy trì thường xuyên và liên tục hoạt động kiểm tra từ xa trong toàn hệ thống, tập trung vào nghiệp vụ Xe cơ giới và Con người bao gồm công tác quản lý ẩn chỉ, công tác khai thác và công tác bồi thường.

Về hoạt động Quản lý chất lượng, Bảo Long đã triển khai chương trình đánh giá nội bộ ISO 9001:2015 năm 2020.

BAO LONG INSURANCE



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

THÀNH QUẢ KIỂM SOÁT, ĐỐI PHÓ ĐẠI DỊCH COVID-19 TRONG NĂM 2020 SẼ TẠO ĐÀ CHO VIỆT NAM DUY TRÌ NỀN TẢNG KINH TẾ VĨ MÔ ỔN ĐỊNH VÀ HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU CỦA NĂM 2021.

Năm 2020, thế giới trải qua đợt suy thoái kinh tế lớn. Bước sang năm 2021, kinh tế thế giới bắt đầu phục hồi, nhưng với dịch Covid-19 còn đang tiếp diễn, quá trình mở cửa tại nhiều quốc gia vẫn chậm, kinh tế toàn cầu vẫn còn nhiều trở ngại để quay lại như mức trước dịch. Quá trình phục hồi phụ thuộc vào tình hình giãn cách xã hội cho tới khi các rủi ro sức khỏe được giải quyết và các quốc gia có thể sẽ phải thắt chặt các biện pháp ngăn chặn tùy theo sự lây lan của virus.

Nền kinh tế toàn cầu năm 2021 được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 5,2%. Trong đó, tăng trưởng của nhóm các nền kinh tế phát triển đạt mức 3,9%, nhóm các nền kinh tế thị trường mới nổi và đang phát triển dự báo tăng trưởng 6%.

Đối với Việt Nam, nhờ công tác quản lý, kiểm soát tốt dịch bệnh nền kinh tế có được cơ hội phục hồi cao hơn so với nhiều nước khác, trở thành địa chỉ tin cậy của các nhà đầu tư nước ngoài phân bổ lại dòng vốn đầu tư trên thế giới. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn phải chịu một số tác động như việc sụt giảm sâu lượng du khách nước ngoài do các hạn chế đi lại ngăn ngừa Covid-19 đã tác động tới hồi phục kinh tế. Tỷ lệ thất nghiệp có tăng nhẹ, nhiều doanh nghiệp cắt giảm lương và giờ làm. Bên cạnh đó, Việt Nam đang là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất bởi biến đổi khí hậu, do đó, Việt Nam cần sớm có các hành động mạnh mẽ đối với vấn đề này.

Trước tình hình kinh tế thế giới và định hướng kinh tế Việt Nam cho năm 2021, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về

phát triển kinh tế xã hội 2021 với các mục tiêu tổng quát: tập trung thực hiện hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; thúc đẩy mạnh mẽ cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh.

Nghị quyết cũng đặt ra các chỉ tiêu:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6%;
- GDP bình quân đầu người khoảng 3.700 USD;
- Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%.

Thành quả kiểm soát, đối phó đại dịch Covid-19 trong năm 2020 sẽ tạo đà cho Việt Nam để duy trì nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định và hoàn thành các mục tiêu của năm 2021. Về thuận lợi, Việt Nam đang có những tiến bộ về tăng trưởng, lạm phát, thâm hụt ngân sách, dự trữ ngoại hối và gia tăng tổng cầu nội địa, Việt Nam tiếp tục có sức hút đầu tư mạnh ở khu vực, hệ số tín nhiệm quốc gia được nâng lên, cách mạng công nghiệp 4.0 lan rộng và việc tham gia các FTA được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển cho nền kinh tế Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đối mặt với những thách thức của một nền kinh tế có độ mở cao như: tác động từ việc nới lỏng tiền tệ của nhiều nước lớn trước xu thế tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế thế giới, tác động của biến đổi khí hậu, các áp lực về kiểm soát độc quyền kinh tế, tăng cường bảo vệ môi trường và an sinh xã hội...



TRIỂN VỌNG NGÀNH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VIỆT NAM

CÁC CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2021 ĐƯỢC DỰ BÁO Ở MỨC HAI CON SỐ. ĐÂY LÀ CON SỐ ĐÁNG MƠ ƯỚC CỦA NHIỀU NGÀNH TRONG BỐI CẢNH TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19.

Ngành bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam năm 2020 với những tác động của Covid-19 cũng chịu ảnh hưởng khá nhiều, tuy nhiên thị trường vẫn có tăng trưởng, dù không cao như kỳ vọng. Về cơ bản, đa phần các doanh nghiệp bảo hiểm đều dự báo thị trường bảo hiểm trong năm 2021 sẽ tăng trưởng trên 10%, kỳ vọng tăng trưởng chủ yếu ở 4 nghiệp vụ: bảo hiểm con người, bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm tài sản và bảo hiểm xe cơ giới.

Bảo hiểm con người sẽ là điểm sáng lớn nhất của ngành bảo hiểm trong năm 2021. Tầng lớp trung lưu tại Việt Nam đang hình thành nhanh và đây là nhóm khách hàng tiềm năng nhất của bảo hiểm con người. Bên cạnh đó, nhận thức của người dân về bảo

hiểm đang tốt hơn, dịch Covid-19 mang thêm một tác động gián tiếp giúp bảo hiểm chăm sóc sức khỏe được khách hàng quan tâm, tâm lý lo ngại trước nguy cơ dịch bệnh làm cho nhu cầu tìm mua bảo hiểm sức khỏe tăng lên.

Bảo hiểm hàng hóa được đánh giá là có nhiều cơ hội phát triển trong năm 2021. Hai hiệp định quan trọng vừa được thông qua là Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) mở ra nhiều cơ hội giao thương hàng hóa của Việt Nam với các nước. Nghiệp vụ bảo hiểm tài sản cũng được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh trở lại khi các khoản tiền đầu tư công cho cơ sở hạ tầng tiếp tục

được giải ngân sau thời gian chậm lại vì dịch bệnh. Với bảo hiểm xe cơ giới, nghiệp vụ này được dự báo là lượng xe ô tô bán ra trong năm mới sẽ tăng khi nhu cầu đi lại, du lịch của người dân trong nước dần hồi phục do tình hình kiểm soát dịch Covid-19 ở Việt Nam khả quan.

Về kênh phân phối cho các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin, kinh doanh trực tuyến giúp doanh nghiệp bảo hiểm tiếp cận được đa dạng đối tượng khách hàng. Nhờ công nghệ thông tin mà tương tác, trao đổi giữa công ty bảo hiểm với khách hàng được nhanh chóng, thuận tiện, giảm rườm rà về thủ tục hơn trước, giao dịch bằng giấy và tiền mặt được giảm thiểu.

GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2021

1 KÊNH PHÂN PHỐI

Mở rộng và đa dạng hóa mạng lưới phân phối sản phẩm là động lực để tăng trưởng doanh số và thị phần

2 SẢN PHẨM

Hệ thống sản phẩm đa dạng và ưu việt, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng

3 NGUỒN NHÂN LỰC

Nâng cao năng lực và sự gắn kết của đội ngũ nhân viên

4 THƯƠNG HIỆU

Nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu tại thị trường Việt Nam

5 QUY TRÌNH KINH DOANH

Cải tiến quy trình kinh doanh đáp ứng được yêu cầu của khách hàng cũng như nhu cầu quản trị nội bộ

6 NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Mở rộng quy mô nguồn vốn chủ sở hữu và tăng cường quản lý chất lượng tài sản

7 CÔNG NGHỆ

Áp dụng những tiến bộ của công nghệ để tạo ra động lực và cơ hội phát triển cho toàn hệ thống

8 QUẢN LÝ RỦI RO

Xây dựng được ERM phù hợp với sự phát triển của hệ thống và thách thức của thị trường



TUY TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH VẪN CÒN DIỄN BIẾN KHÁ PHỨC TẠP, NHƯNG TẬP THỂ CBNV BẢO LONG VẪN QUYẾT TÂM HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021. BẢO LONG TỰ TIN SẼ GẶT HÁI ĐƯỢC NHỮNG THÀNH CÔNG MỚI VÀ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN VỮNG MẠNH HƠN, XỨNG ĐÁNG TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ UY TÍN HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 2021

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	TH 2020 triệu đồng	KH 2021 triệu đồng	HTKH %
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM			
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.438.062	1.700.000	18%
- Chi phí hoạt động kinh doanh BH	(1.369.920)	(1.615.409)	18%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	68.142	84.591	24%
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH			
- Doanh thu	113.469	93.000	-18%
- Chi phí đầu tư	(5.796)	(5.000)	-14%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	107.673	88.000	-18%
Thu nhập từ hoạt động khác	108	-	-100%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(92.553)	(111.448)	20%
Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế	83.390	61.142	-27%

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	HTKH %
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	730.791	933.176	28%
Vốn chủ sở hữu	706.275	692.812	-2%
Danh mục đầu tư	1.281.012	1.483.397	16%
Tổng tài sản	2.281.676	2.507.195	10%

NHÂN SỰ ĐÀO TẠO



968

nhân viên
TỔNG SỐ NHÂN VIÊN
ĐẾN T12/2020

25%

LAO ĐỘNG CÓ KINH NGHIỆM
BẢO HIỂM TRÊN 10 NĂM

67%

LAO ĐỘNG CÓ TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC & SAU ĐẠI HỌC

Chế độ lương, thưởng của Bảo Long cạnh tranh, gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc của mỗi cá nhân khi thực hiện công việc. Bên cạnh đó, Bảo Long cũng quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của Người lao động thể hiện qua các chính sách phúc lợi như: chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cho CBNV, tổ chức cho CBNV nghỉ mát hàng năm, trang bị bảo hiểm kết hợp sức khỏe và tai nạn, bảo hiểm nhà, bảo hiểm xe cho CBNV hàng năm, tặng quà hiện kim cho CBNV nhân ngày sinh nhật, các ngày Lễ trong năm...



03

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**



TIẾP ĐÀ
Tăng trưởng

Trên hành trình kiến tạo tương lai, Tập thể CBNV Bảo Long luôn kề vai sát cánh cùng nhau hướng tới một mục tiêu chung. Chính nhờ sự tiếp sức, tiếp lửa và nhiệt huyết của đội ngũ lãnh đạo qua các thế hệ, Bảo Long đã và luôn tự tin tiếp đà tăng trưởng.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ CÔNG TY,
TẠO TIỀN ĐỀ BỨT PHÁ PHÁT TRIỂN
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GÓP
PHẦN ĐẢM BẢO LỢI ÍCH CỦA
CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ, VÀ CÁC
BÊN LIÊN QUAN.

Nhận biết được tầm quan trọng của Quản trị Doanh nghiệp trong thời gian qua, Bảo Long luôn rà soát và điều chỉnh mô hình hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, tiếp cận các chuẩn mực Quốc tế để kiện toàn bộ máy hoạt động, đảm bảo tính minh bạch trong việc quản lý, điều hành, phân cấp, ủy quyền và các nguyên tắc về kiểm tra, kiểm soát,... từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Song song đó, Bảo Long cũng đã ban hành một hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của mình một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của Cổ đông và hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm Khách hàng, Người Lao động và Cộng đồng.



ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN
CON NGƯỜI



SẼ CHIA GIÁ TRỊ
NHÂN VĂN



TẠO LẬP
GIÁ TRỊ KINH TẾ



QUẢN LÝ
CÁC TÁC ĐỘNG
MÔI TRƯỜNG



XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN



TẠI BẢO LONG VIỆC KIỂM SOÁT TUÂN THỦ TOÀN HỆ THỐNG THÔNG QUA VIỆC TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CƠ CHẾ VÀ KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT TUÂN THỦ.

Bảo Long luôn hoạt động trên tinh thần thượng tôn pháp luật. Với tôn chỉ đó, Bảo Long xác định việc tuân thủ quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng các cơ hội trao đổi hợp tác giữa Bảo Long và các Cơ quan ban ngành sẽ hỗ trợ tích cực cho sự phát triển bền vững. Bảo Long đã, đang và sẽ thường xuyên cập nhật thông tin và đóng góp ý kiến thông qua Hiệp Hội Bảo Hiểm; cử Cán bộ nhân viên tham gia các Hội thảo chuyên ngành về bảo hiểm, Hội thảo liên quan tới phổ biến những sửa đổi, bổ sung về chính sách, pháp luật bảo hiểm của Nhà nước,... để tăng cường trao đổi cũng như đưa ra những ý kiến đóng góp mang tính thiết thực và hỗ trợ cho sự phát triển của Bảo Long nói riêng và của toàn ngành bảo hiểm nói chung.



BẢO LONG TIẾP TỤC TẬP TRUNG XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ DỰA TRÊN NIỀM TIN, UY TÍN ĐẢM BẢO TỐI ĐA GIÁ TRỊ VÀ LỢI ÍCH.

Năm 2019, Bảo Long tiếp tục tập trung xây dựng Thương hiệu uy tín đi đôi với việc tạo dựng niềm tin bền vững với Nhà đầu tư, Cổ đông:

Phát triển hiệu quả, gia tăng giá trị tài sản

- Thực hiện Quản trị Công ty tốt để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản, bao gồm Tài sản hữu hình và Tài sản vô hình của Doanh nghiệp, qua đó gia tăng giá trị Cổ đông.

Tạo dựng kênh truyền thông, đối thoại mở

- Tạo lập và duy trì các kênh thông tin hiệu quả cho Nhà đầu tư, Cổ đông có thể tiếp cận dễ dàng. Nâng cao các kênh đối thoại mở và liên tục với các bên liên quan để chuyển tải hiệu quả, kịp thời các chiến lược mang lại giá trị cho Nhà đầu tư, Cổ đông.

Minh bạch thông tin tài chính

- Minh bạch số liệu tài chính, hiệu quả kinh doanh tạo nguồn thông tin chính xác cho các Nhà đầu tư, Cổ đông có nhu cầu đầu tư vào Bảo Long. Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.



VỚI PHƯƠNG CHÂM “ĐỒNG HÀNH, ĐỒNG CHIA SẺ” BẢO LONG KHÔNG NGỪNG CẢI TIẾN ĐỂ MANG LẠI DỊCH VỤ TỐT NHẤT CHO CÁC KHÁCH HÀNG.

Bảo Long cam kết mang đến cho Khách hàng những sản phẩm phù hợp và dịch vụ nhanh chóng, kịp thời thông qua hệ thống phân phối đa dạng, trải rộng như qua kênh Bancassurance, kênh Môi giới, Mobilassurance... Đặc biệt là dịch vụ bồi thường nhanh chóng và chính xác. Ngoài ra, Bảo Long liên tục nâng cấp mạng lưới chăm sóc Khách hàng và Trung tâm chăm sóc Khách hàng tập trung (call center) hỗ trợ 24/7.

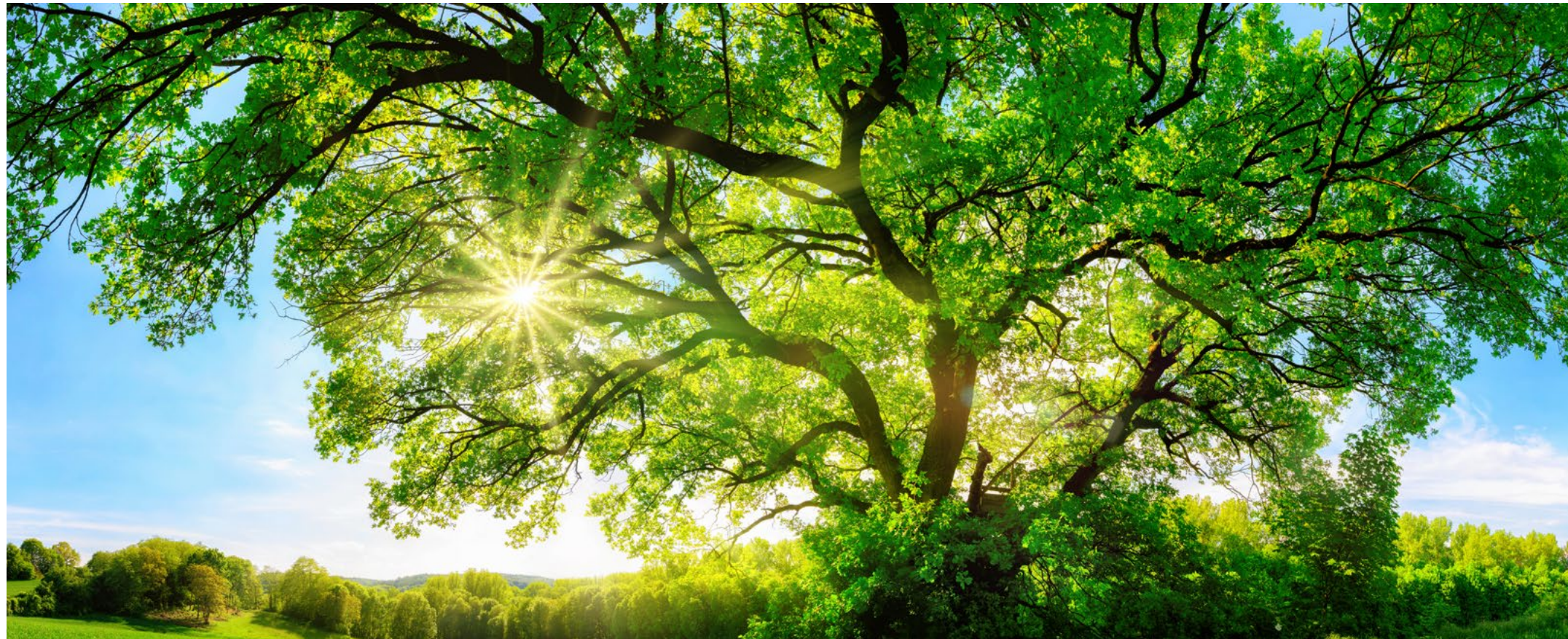
Với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, các dịch vụ sau khi xảy ra tổn thất cần được giải quyết nhanh chóng để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Khách hàng. Đến nay, Bảo Long đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống Giám định ngành dọc và đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, Bảo Long luôn rà soát và cải tiến các quy trình giám định - bồi thường theo hướng nhanh gọn và hiệu quả, nhằm giảm bớt thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng.



“CON NGƯỜI LÀ TÀI SẢN VÔ GIÁ”, GÓP PHẦN HIỆU QUẢ VÀO KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BẢO LONG

Đối với Bảo Long, “Con người là tài sản vô giá”. Chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn, Bảo Long luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh, để tập thể cán bộ nhân viên Bảo Long phát huy hết khả năng, góp phần hiệu quả vào kết quả hoạt động kinh doanh của Bảo Long.

Bảo Long cam kết đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách lương, thưởng, phúc lợi cho Người Lao động theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.



CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BẢO LONG KHÔNG TÁC ĐỘNG ĐÁNG KỂ ĐẾN MÔI TRƯỜNG. NHẢM GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XANH SẠCH, TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BẢO LONG LUÔN QUAN TÂM ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH TÒA NHÀ.

TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

Vấn đề năng lượng và tiết kiệm năng lượng luôn được đặc biệt chú trọng. Bảo Long có chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện, nước, sử dụng các thiết bị điện thông minh ít tốn năng lượng và khí thải.

Giải pháp tiêu thụ điện hiệu quả

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27 °C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hòa....
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h.
- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử...).
- Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...).

CHẤT THẢI RẮN

Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong Công ty. Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả...

Giải pháp xử lý

- Tại mỗi tầng của tòa nhà, Bảo Long đều trang bị các thùng đựng rác để thu gom rác.
- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh Công ty dọn dẹp trong từng phòng và quét dọn hành lang, bãi xe và khu vực xung quanh tòa nhà.
- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa công ty.

Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in tài liệu.
- Tái sử dụng văn phòng phẩm có nguồn gốc từ khai thác tài nguyên như: sử dụng giấy 1 mặt để in các tài liệu tham khảo, sử dụng bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa đã qua sử dụng,...



CHẤT THẢI KHÍ

Chất thải khí phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông:

- Các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà.
- Các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường Điện Biên Phủ.
- Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động về sức khỏe của nhân viên trong Công ty.

Biện pháp và quy trình xử lý kỹ thuật

- Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- Tắt máy xe khi đi vào Công ty.
- Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại Bảo Long.
- Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà Công ty.
- Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.

Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Bảo Long luôn bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc để bảo vệ sức khỏe của Người Lao động.

ỨNG DỤNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG

Sử dụng phần mềm quản lý văn bản online tạo điều kiện cho các đơn vị trên toàn hệ thống cập nhật liên tục các văn bản, chính sách từ Bảo Long. Điều này vừa giúp tiết kiệm chi phí in ấn và phí chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.

Tăng cường sử dụng cầu truyền hình và các phương tiện kỹ thuật tiên tiến để tổ chức các cuộc họp giữa các Đơn vị xa địa bàn nhằm tiết kiệm chi phí đi lại.

04

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH
NĂM 2020**



TIẾP BƯỚC *Thành công*

Trên hành trình phát triển của mình, Bảo Long luôn hướng đến và tạo dựng uy tín thương hiệu cũng như niềm tin vững chắc nơi Khách hàng. Với phương châm đó, Bảo Long tiếp tục ghi nhận những cột mốc và dấu ấn mới khi đạt kết quả kinh doanh khả quan với các chỉ tiêu tài chính ấn tượng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG Số 446/2021/CV-BL

V/v giải trình kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh được thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Trước tiên, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) kính gửi lời chào trân trọng và cảm ơn đến sự quan tâm, hỗ trợ của Quý Cơ quan trong thời gian qua. Theo Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam, Bảo Long kính báo cáo với Quý Cơ quan về kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Bảo Long được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2019	% thay đổi
1. Doanh thu thuần hoạt động KDBH	937.643	885.632	6%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	113.469	94.398	20%
3. Thu nhập khác	758	214	254%
4. Tổng chi phí hoạt động KDBH	719.070	694.417	4%
5. Chi phí hoạt động tài chính	5.796	7.278	-20%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	242.963	225.486	8%
7. Chi phí khác	649	213	205%
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.390	52.850	58%
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.339	11.371	140%
10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(10.539)	(67)	15518%
11. Lợi nhuận sau thuế TNDN	66.590	41.546	60%

1. Giải trình nguyên nhân khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo năm 2019:

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2020 đạt 937.643 triệu đồng, tăng 6% so với năm 2019. Trong đó, tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 1.297.430 triệu đồng, tăng 9% so với năm 2019.

Về chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2020 là 719.070 triệu đồng, tăng 4% so với năm 2019, thấp hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm. Trong đó, tổng chi bồi thường bảo hiểm đạt 237.219 triệu đồng, giảm 15% so với năm 2019; chi hoa hồng bảo hiểm đạt 107.802 triệu đồng, tăng 1% so với năm 2019; chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 365.198 triệu đồng, tăng 21% so với năm 2019.

Về hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động tài chính năm 2020 đạt 113.469 triệu đồng, tăng 20% so với năm 2019 và lợi nhuận hoạt động tài chính năm 2020 đạt 107.673 triệu đồng, tăng 24% so với năm 2019.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 là 242.963 triệu đồng, tăng 8% so với năm ngoái.

Như vậy, mặc dù doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng trưởng không đáng kể nhưng lợi nhuận hoạt động tài chính tăng trưởng tốt, tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm và chi phí quản lý doanh nghiệp được kiểm soát tốt dẫn đến lợi nhuận trước thuế của Bảo Long năm 2020 đạt 83.390 triệu đồng, tăng 58% so với năm 2019. Tương tự, lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 66.590 triệu đồng, tăng 60% so với năm 2019.

2. Giải trình nguyên nhân khi kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo tài chính Quý 4 đã công bố có sự chênh lệch từ 5% trở lên sau khi được kiểm toán:

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Quý IV sau kiểm toán	Quý IV trước kiểm toán	% thay đổi
1. Doanh thu thuần hoạt động KDBH	255.726	255.726	0%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	40.741	40.741	0%
3. Thu nhập khác	2	2	0%
4. Tổng chi phí hoạt động KDBH	251.824	273.728	-8%
5. Chi phí hoạt động tài chính	(1.200)	(1.200)	0%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	68.016	68.016	0%
7. Chi phí khác	169	169	0%
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(22.340)	(44.244)	-50%
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.852	9.471	46%
10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(8.371)	(8.371)	0%
11. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(27.821)	(45.344)	-39%

Sau quá trình kiểm toán số liệu báo cáo tài chính, công ty TNHH KPMG Việt Nam đã thực hiện một số điều chỉnh liên quan tới chi phí bồi thường bảo hiểm và làm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thay đổi tương ứng. Do đó, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo tài chính Quý 4 sau khi kiểm toán có sự chênh lệch so với số liệu tại báo cáo tài chính Quý 4 năm 2020 đã được công bố thông tin tại văn bản số 131/2021/CV-BL ngày 20/1/2021.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKH



PHAN QUỐC DŨNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số

1529/GP-UB ngày 11 tháng 7 năm 1995

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH ngày 9 tháng 6 năm 2017. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo do Bộ Tài chính cấp và có giá trị trong vòng 99 năm kể từ ngày 11 tháng 7 năm 1995.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số

059614 ngày 2 tháng 8 năm 1995

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Cửu Tính	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thanh Hải	Thành viên
Ông Phan Quốc Dũng	Thành viên
Bà Phạm Minh Châm	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Phan Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Minh Châm	Phó Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Hà Minh Hiếu	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

185 Điện Biên Phủ
Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Tổng Công ty:

- Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 66 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 65.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited Branch in Ho Chi Minh City, A branch of KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firm affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG Interational"), a Swiss entity.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ củ Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VẤ ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 9 tháng 3 năm 2020.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00228-21-1



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 01-14-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)	100		1.919.351.501.543	1.749.934.164.717
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	422.206.150.656	347.704.234.926
Tiền	111		250.950.143.598	347.704.234.926
Các khoản tương đương tiền	112		171.256.007.058	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		697.555.148.870	761.881.950.978
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	69.970.644.723	57.225.679.647
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(3.918.306.952)	(10.369.692.890)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	631.502.811.099	715.025.964.221
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	360.994.122.131	269.866.486.875
Phải thu của khách hàng	131		298.625.189.220	216.115.044.284
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	131.1		298.625.189.220	216.115.044.284
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		91.341.567.595	75.674.385.894
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(28.972.634.684)	(21.922.943.303)
Hàng tồn kho	140		517.667.110	577.563.371
Hàng tồn kho	141		517.667.110	577.563.371
Tài sản ngắn hạn khác	150		89.525.733.173	46.970.991.370
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	89.525.733.173	46.970.991.370
<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	151.1		88.434.409.907	45.326.508.796
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>	151.2		1.091.323.266	1.644.482.574
Tài sản tái bảo hiểm	190	17(a)	348.552.679.603	322.932.937.197
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		241.313.664.374	222.446.893.383
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		107.239.015.229	100.486.043.814

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		362.324.625.687	246.261.417.007
Các khoản phải thu dài hạn	210		16.832.980.875	12.694.980.132
Phải thu dài hạn khác	218	6	16.832.980.875	12.694.980.132
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	218.1		12.000.000.000	12.000.000.000
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	218.2		4.832.980.875	694.980.132
Tài sản cố định			96.916.295.401	94.996.708.942
Tài sản cố định hữu hình	221	8	20.902.648.093	20.576.737.664
<i>Nguyên giá</i>	222		43.842.985.240	42.956.307.113
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.940.337.147)	(22.379.569.449)
Tài sản cố định vô hình	227	9	72.807.607.308	66.769.971.278
<i>Nguyên giá</i>	228		81.426.310.127	74.604.502.449
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.618.702.819)	(7.834.531.171)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	3.206.040.000	7.650.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	205.010.400.000	113.244.728.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		206.513.400.000	115.513.400.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.503.000.000)	(2.268.672.000)
Tài sản dài hạn khác	260		43.564.949.411	25.324.999.933
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	22.187.254.522	14.829.190.409
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	17.160.420.706	6.621.465.986
Tài sản dài hạn khác	268		4.217.274.183	3.874.343.538
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.281.676.127.230	1.996.195.581.724

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.575.401.404.181	1.320.991.190.771
Nợ ngắn hạn	310		1.571.525.004.848	1.317.492.491.438
Phải trả cho người bán	312		293.684.179.339	248.952.126.297
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	312.1	13	293.684.179.339	248.952.126.297
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	28.856.668.409	11.238.588.804
Phải trả người lao động	315		6.499.738.815	22.633.898.307
Chi phí phải trả	316		24.913.724.208	17.754.630.382
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.237.226.564	9.967.290.901
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	15	37.773.340.973	36.038.644.560
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	85.216.198.805	81.195.340.549
Dự phòng nghiệp vụ	329	17	1.079.343.927.735	889.711.971.638
<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.1		691.449.473.331	550.817.612.136
<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.2		314.513.898.819	274.364.198.071
<i>Dự phòng dao động lớn</i>	329.3		73.380.555.585	64.530.161.431
Nợ dài hạn	330		3.876.399.333	3.498.699.333
Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn khác	342		3.846.399.333	3.468.699.333
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)			706.274.723.049	675.204.390.953
Vốn chủ sở hữu			706.274.723.049	675.204.390.953
Vốn cổ phần	411		600.000.000.000	600.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(415.994.845)	(415.994.845)
Cổ phiếu quỹ	414		(5.260.000)	(5.260.000)
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		21.238.002.507	17.908.501.472
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.781.215.208	4.911.634.120
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.676.760.179	52.805.510.206
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)			2.281.676.127.230	1.996.195.581.724

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm – phí bảo hiểm gốc		86.424.621.324	78.220.925.908
Nợ khó đòi đã xử lý		14.271.018.820	14.986.727.805
Ngoại tệ – USD	33(b)	343.456	277.981

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Châu Hậu Doanh Doanh

Người lập

Người kiểm soát:



Hà Minh Hiếu

Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Quốc Dũng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

	Mã số	2020 VND	2019 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	937.642.619.938	885.631.711.419
Doanh thu hoạt động tài chính	12	113.468.695.500	94.398.069.572
Thu nhập khác	13	757.636.605	213.859.049
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	719.070.066.092	694.417.190.024
Chi phí hoạt động tài chính	22	5.795.656.352	7.278.289.517
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	242.963.480.950	225.486.029.813
Chi phí khác	24	649.324.264	212.623.768
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 – 20 – 22 – 23 – 24)	50	83.390.424.385	52.849.506.918
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27.339.358.401	11.370.739.607
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	(10.538.954.720)	(67.479.097)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60	66.590.020.704	41.546.246.408
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.079	664

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

	Mã số	2020 VND	2019 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)	01	1.297.429.955.144	1.194.973.847.393
Trong đó:			
• Phí bảo hiểm gốc	01.1 20(a)	1.274.703.870.180	1.136.747.642.195
• Phí nhận tái bảo hiểm	01.2 20(b)	163.357.946.159	88.130.211.832
• Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3 17	140.631.861.195	29.904.006.634
Phí nhượng tái bảo hiểm(02 = 02.1 – 02.2)		534.155.630.004	474.341.802.846
Trong đó:	02		
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1 21	553.022.400.995	520.287.761.197
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2 17	18.866.770.991	45.945.958.351
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)	03	763.274.325.140	720.632.044.547
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04	174.368.294.798	164.999.666.872
Trong đó:			
• Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1 22	172.156.606.724	162.340.261.753
• Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	2.211.688.074	2.659.405.119
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10	937.642.619.938	885.631.711.419
Chi bồi thường (11 = 11.1 – 11.2)	11 23	453.271.029.964	463.953.715.748
Trong đó:			
• Tổng chi bồi thường	11.1	456.181.502.787	465.846.028.404
• Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ ba bồi hoàn và thu hàng đã xử lý bồi thường)	11.2	(2.910.472.823)	(1.892.312.656)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12 24	249.448.368.943	192.766.984.696
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13 17	40.149.700.748	10.182.123.175
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14 17	6.752.971.415	1.787.546.995
Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13 – 14)	15	237.219.390.354	279.581.307.232

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
Tăng dự phòng dao động lớn	16 17	8.850.394.154	7.045.900.928
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17 25	473.000.281.584	407.789.981.864
Trong đó:			
• Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1	107.802.297.672	107.123.655.770
• Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	365.197.983.912	300.666.326.094
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18	719.070.066.092	694.417.190.024
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 – 18)	19	218.572.553.846	191.214.521.395
Doanh thu hoạt động tài chính	23 26	113.468.695.500	94.398.069.572
Chi phí hoạt động tài chính	24 27	5.795.656.352	7.278.289.517
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 – 24)	25	107.673.039.148	87.119.780.055
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 28	242.963.480.950	225.486.029.813
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 – 26)	30	83.282.112.044	52.848.271.637
Thu nhập khác	31	757.636.605	213.859.049
Chi phí khác	32	649.324.264	212.623.768
Lãi khác (40 = 31 – 32)	40	108.312.341	1.235.281
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	83.390.424.385	52.849.506.918
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 29	27.339.358.401	11.370.739.607
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52 29	(10.538.954.720)	(67.479.097)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60	66.590.020.704	41.546.246.408
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 30	1.079	664

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:

Châu Hậu Doanh Doanh

Người lập

Hà Minh Hiếu

Kế toán trưởng

Phan Quốc Dũng

Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.414.529.729.035	1.172.881.544.794
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	204.736.885.620	184.459.804.828
Tiền chi			
Tiền chi trả người bán và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.046.832.000.048)	(932.048.055.673)
Tiền chi trả người lao động	03	(186.956.019.881)	(140.037.983.198)
Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	05	(13.192.090.894)	(13.707.608.861)
Tiền chi khác từ các hoạt động kinh doanh	07	(324.652.629.097)	(268.108.632.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.633.874.735	3.439.069.653
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.555.892.000)	(15.312.965.455)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	653.618.091	404.800.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.630.661.491.135)	(19.738.284.851.661)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.593.542.785.777	19.595.200.089.415
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	102.055.728.274	66.131.187.256
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	61.034.749.007	(91.861.740.445)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(34.222.043.721)	(31.394.250.406)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(34.222.043.721)	(31.394.250.406)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	74.446.580.021	(119.816.921.198)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	347.704.234.926	467.529.651.751
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	55.335.709	(8.495.627)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	422.206.150.656	347.704.234.926

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:

Châu Hậu Doanh Doanh

Người lập

Hà Minh Hiếu

Kế toán trưởng

Phan Quốc Dũng

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1529/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995 và sau đó được điều chỉnh lần gần đây nhất theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 9 tháng 6 năm 2017.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”) vào ngày 11 tháng 12 năm 2015 với mã chứng khoán là “BLI”.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên tại các thành phố và tỉnh thành Việt Nam (31/12/2019: một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

(c) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 968 nhân viên (31/12/2019: 945 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Các chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(c) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(i) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ bị mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được lập như sau:

Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn được quyết định bởi Ban Điều hành Tổng Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(e) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 3(l)(i). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày báo cáo phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
• phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
• máy móc và thiết bị	6 – 13 năm
• thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm. Không trích khấu hao cho quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu gồm chi phí cải tạo, nâng cấp và trang trí văn phòng được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ trên 1 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ các khoản dự phòng nghiệp vụ được đề cập tại Thuyết minh 3(l), được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 (“Thông tư 50”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 (“Nghị định 73”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 1 năm 2018 (“Công văn 792”) do Bộ Tài chính ban hành chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với phần rủi ro mà Tổng Công ty phải gánh chịu sau ngày báo cáo và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/24. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một tháng của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho tổn thất đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết là số tiền bồi thường ước tính cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường đến ngày báo cáo tài chính nhưng chưa được giải quyết, trừ đi khoản tiền đã thanh toán cho yêu cầu bồi thường này. Số tiền bồi thường ước tính được tính cho từng vụ tổn thất.

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm tại ngày báo cáo. Dự phòng IBNR đang được áp dụng theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường được tính và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, và nhận tái bảo hiểm và hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập cho đến khi quỹ dự phòng này đạt 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính hiện hành và được trích lập dựa trên doanh thu phí bảo hiểm giữ lại và kinh nghiệm của Ban Điều hành Tổng Công ty về dữ liệu quá khứ. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 – Hợp đồng Bảo hiểm (“VAS 19”), các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Bộ Tài chính hiện chưa ban hành các hướng dẫn chi tiết cho việc áp dụng VAS 19 nên dự phòng dao động lớn được Tổng Công ty trích lập hàng năm theo Công văn 792 theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(I) Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(iv) Dự phòng nghiệp vụ đối với bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Dự phòng toán học cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được tính như sau:

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn): dự phòng toán học được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/8. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Tổng Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn: dự phòng toán học được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/365. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một ngày của Tổng Công ty được phân bổ đều cuối ngày hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một ngày cụ thể được giả định là có hiệu lực vào cuối ngày đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/24. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Tổng Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho tổn thất đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết là số tiền bồi thường ước tính cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường đến ngày báo cáo nhưng chưa được giải quyết, trừ đi khoản tiền đã thanh toán cho yêu cầu bồi thường này. Số tiền bồi thường ước tính được tính cho từng vụ tổn thất.

"Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo" ("IBNR") là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm tại ngày báo cáo. Dự phòng IBNR được trích theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng này được trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(m) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ 5% và được trích lập cho đến khi quỹ dự trữ bắt buộc này bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - » Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - » Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - » Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(o) Phân loại các công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Tài sản tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

- Các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông

qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định trong Nghị định 73 và Thông tư 50.

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận dựa trên tính hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm (khi rủi ro được bảo hiểm) đối với hoạt động bảo hiểm gốc hoặc khi nhận được bản thanh toán về tái bảo hiểm từ các công ty nhượng tái bảo hiểm đối với hoạt động nhận tái bảo hiểm. Khoản doanh thu này bao gồm phí bảo hiểm phải thu đến hạn và không bao gồm doanh thu phí bảo hiểm nhận được trước ngày hiệu lực và phí bảo hiểm phải thu liên quan đến kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên hay hợp đồng đóng phí bảo hiểm một lần bị quá hạn trên 30 ngày.

Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thỏa thuận. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm trả trước" trên bảng cân đối kế toán.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp.

(r) Doanh thu từ các hoạt động đầu tư

(i) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là một khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(s) Hoạt động tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 3(l)(i). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được bản xác nhận thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(e).

(t) Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong một kỳ kế toán dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) thường xuyên được rà soát lại và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản chi phí bồi thường trong kỳ bao gồm các khoản đã thanh toán trong kỳ kế toán liên quan đến các yêu cầu bồi thường phát sinh trong kỳ đó, các khoản dự phòng cho yêu cầu bồi thường chưa được giải quyết hoặc các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và các điều chỉnh trong kỳ hiện tại đối với các khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường phát sinh trong các kỳ trước.

Các khoản thu bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu bồi thường từ bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong kỳ.

(u) Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ chi phí khai thác bảo hiểm ngoại trừ chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

(v) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(x) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(y) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà không được phản ánh trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền mặt	2.046.123.126	4.244.765.461
Tiền gửi ngân hàng	248.904.020.472	343.459.469.465
Các khoản tương đương tiền	171.256.007.058	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	422.206.150.656	347.704.234.926

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND và có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là từ 5,90% đến 8,90% (31/12/2019: Không).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020				31/12/2019			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết								
REE	210.000	9.933.000.000	10.279.500.000	-	-	-	-	-
FPT	120.000	6.768.500.000	7.092.000.000	-	-	-	-	-
TCB	260.000	6.551.000.000	8.190.000.000	-	-	-	-	-
DIG	387.904	5.801.890.964	10.744.940.800	(451.000.000)	-	-	-	-
VHC	110.000	5.005.000.000	4.554.000.000	-	-	-	-	-
MWG	40.000	4.717.000.000	4.756.000.000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu khác	633.867	11.232.257.759	8.205.462.650	(3.467.306.952)	2.898.614	52.399.238.647	46.044.213.784	(6.355.024.863)
		50.008.648.723	53.821.903.450	(3.918.306.952)		52.399.238.647	46.044.213.784	(6.355.024.863)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

	31/12/2020				31/12/2019			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VFVF4)	1.153.173	19.961.996.000	23.585.308.446	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Petec	(*)	(*)	(*)	(*)	199.351	4.186.371.000	641.192.073	(3.545.178.927)
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	(*)	(*)	(*)	(*)	43.800	444.000.000	-	(444.000.000)
Công ty Cổ phần PVOIL Nam Định	(*)	(*)	(*)	(*)	19.607	196.070.000	170.580.900	(25.489.100)
		19.961.996.000	23.585.308.446	-		4.826.441.000	811.772.973	(4.014.668.027)
		69.970.644.723	77.407.211.896	(3.918.306.952)		57.225.679.647	46.855.986.757	(10.369.692.890)

(*) Những cổ phiếu này đã được niêm yết trên sàn UPCOM tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	10.369.692.890	13.148.004.664
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	(6.451.385.938)	(2.778.311.774)
Số dư cuối năm	3.918.306.952	10.369.692.890

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn (i)	581.502.811.099	640.025.964.221
• Trái phiếu (ii)	50.000.000.000	75.000.000.000
	631.502.811.099	715.025.964.221
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn (iii)	165.000.000.000	44.000.000.000
• Trái phiếu (iv)	41.513.400.000	41.513.400.000
• Ủy thác đầu tư	-	30.000.000.000
	206.513.400.000	115.513.400.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (v)	(1.503.000.000)	(2.268.672.000)
	205.010.400.000	113.244.728.000

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 1 năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất năm từ 4,90% đến 8,90% (31/12/2019: từ 6,50% đến 10,50%).
- (ii) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt có kỳ hạn 1 năm với mức lãi suất năm là 9,50%.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có thời gian đáo hạn còn lại trên 1 năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán với mức lãi suất năm từ 5,50% đến 9,40% (31/12/2019: 6,80%).
- (iv) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt có kỳ hạn 3 năm với mức lãi suất năm là 9,50% và trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam.
- (v) Đây là dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và các khoản ủy thác đầu tư với số tiền lần lượt là 1.503.000.000 đồng, và 0 đồng (31/12/2019: lần lượt là 1.503.000.000 đồng và 765.272.000 đồng).

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	2.268.672.000	2.303.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	(765.672.000)	(34.328.000)
Số dư cuối năm	1.503.000.000	2.268.672.000

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

(a) Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	56.600.349.802	54.321.030.273
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	57.312.297.024	38.246.713.031
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	180.761.520.664	118.071.950.640
Phải thu bồi thường từ nhà đồng bảo hiểm	3.854.787.353	5.379.115.963
Phải thu khác	96.234.377	96.234.377
	298.625.189.220	216.115.044.284
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(24.655.818.234)	(18.226.342.164)
Tổng phải thu về hợp đồng bảo hiểm thuần	273.969.370.986	197.888.702.120

(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	31.697.552.924	40.246.615.827
Tạm ứng chi phí kinh doanh	26.558.256.761	16.841.228.849
Tạm ứng bồi thường	22.639.013.119	10.653.114.685
Ký quỹ ngắn hạn	1.138.319.409	441.418.360
Phải thu đầu tư chứng khoán (T+2)	-	399.400.000
Phải thu khác	9.308.425.382	7.092.608.173
	91.341.567.595	75.674.385.894
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.316.816.450)	(3.696.601.139)
Tổng phải thu ngắn hạn khác thuần	87.024.751.145	71.977.784.755

(c) Các khoản phải thu dài hạn khác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Ký quỹ bảo hiểm (i)	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	4.832.980.875	694.980.132
Số dư cuối năm	16.832.980.875	12.694.980.132

- (i) Theo Nghị định 73, Tổng Công ty được yêu cầu phải ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại một ngân hàng thương mại được cấp phép tại Việt Nam bằng 2% vốn pháp định. Tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc không được phép rút ra cho đến khi chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc khi có sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, lãi từ tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc có thể được rút ra bất kỳ lúc nào.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty duy trì khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch và hưởng lãi suất năm là 6,92% (31/12/2019: 8,20%).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPN
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(d) Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2020			31/12/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu ngắn hạn						
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	298.625.189.220	24.655.818.234	273.969.370.986	216.115.044.284	18.226.342.164	197.888.702.120
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.316.816.450	4.316.816.450	-	3.696.601.139	3.696.601.139	-
	302.942.005.670	28.972.634.684	273.969.370.986	219.811.645.423	21.922.943.303	197.888.702.120
Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:						
	31/12/2020			1/1/2020		
Số dư đầu năm			21.922.943.303			18.751.729.925
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)			6.433.982.395			8.456.572.510
Tăng khác			615.708.986			(5.285.359.132)
Số dư cuối năm			28.972.634.684			21.922.943.303

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (i)	88.434.409.907	45.326.508.796
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.091.323.266	1.644.482.574
	89.525.733.173	46.970.991.370

(i) Biến động chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	45.326.508.796	50.496.662.169
Tăng trong năm	150.910.198.783	101.953.502.397
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 25)	(107.802.297.672)	(107.123.655.770)
Số dư cuối năm	88.434.409.907	45.326.508.796

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020	Nhà cửa, vật kiến trúc (*) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.636.606.170	8.830.817.723	1.481.297.319	6.007.585.901	42.956.307.113
Tăng trong năm	-	131.818.182	-	88.300.000	220.118.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.668.731.650)	-	-	(1.668.731.650)
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.335.291.595	-	-	-	2.335.291.595
Số dư cuối năm	28.971.897.765	7.293.904.255	1.481.297.319	6.095.885.901	43.842.985.240
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.735.915.285	5.656.736.381	653.276.289	5.333.641.494	22.379.569.449
Khấu hao trong năm	922.763.210	722.817.044	178.020.978	217.097.529	2.040.698.761
Giảm do thanh lý	-	(1.479.931.063)	-	-	(1.479.931.063)
Số dư cuối năm	11.658.678.495	4.899.622.362	831.297.267	5.550.739.023	22.940.337.147
Giá trị còn lại	15.900.690.885	3.174.081.342	828.021.030	673.944.407	20.576.737.664
Số dư cuối năm	17.313.219.270	2.394.281.893	650.000.052	545.146.878	20.902.648.093

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Năm kết thúc kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Nhà cửa, vật kiến trúc (*) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	22.072.706.170	8.288.130.450	1.481.297.319	5.658.885.901	37.501.019.840
Tăng trong năm	-	1.259.705.455	-	348.700.000	1.608.405.455
Thanh lý, nhượng bán	-	(717.018.182)	-	-	(717.018.182)
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.563.900.000	-	-	-	4.563.900.000
Số dư cuối năm	26.636.606.170	8.830.817.723	1.481.297.319	6.007.585.901	42.956.307.113
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.959.799.457	5.293.078.548	472.911.429	5.118.408.316	20.844.197.750
Khấu hao trong năm	776.115.828	728.136.133	180.364.860	215.233.178	1.899.849.999
Giảm do thanh lý	-	(364.478.300)	-	-	(364.478.300)
Số dư cuối năm	10.735.915.285	5.656.736.381	653.276.289	5.333.641.494	22.379.569.449
Số dư đầu năm	12.112.906.713	2.995.051.902	1.008.385.890	540.477.585	16.656.822.090
Số dư cuối năm	15.900.690.885	3.174.081.342	828.021.030	673.944.407	20.576.737.664

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 6.911 triệu VND (31/12/2019: 6.184 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Bao gồm một căn nhà với giá trị còn lại là 4.180.181.819 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác và Tổng Công ty đã ngừng trích khấu hao cho tài sản này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 9 và Thuyết minh 15(i)).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	70.612.302.449	3.992.200.000	74.604.502.449
Tăng trong năm	-	347.700.000	347.700.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.289.907.678	184.200.000	6.474.107.678
	76.902.210.127	4.524.100.000	81.426.310.127
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.990.481.875	2.844.049.296	7.834.531.171
Khấu hao trong kỳ	415.873.488	368.298.160	784.171.648
Số dư cuối năm	5.406.355.363	3.212.347.456	8.618.702.819
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	65.621.820.574	1.148.150.704	66.769.971.278
Số dư cuối năm	71.495.854.764	1.311.752.544	72.807.607.308

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	69.912.702.449	3.201.140.000	73.113.842.449
Tăng trong năm	699.600.000	791.060.000	1.490.660.000
	70.612.302.449	3.992.200.000	74.604.502.449
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.574.608.387	2.365.628.019	6.940.236.406
Khấu hao trong kỳ	415.873.488	478.421.277	894.294.765
Số dư cuối năm	4.990.481.875	2.844.049.296	7.834.531.171
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	65.338.094.062	835.511.981	66.173.606.043
Số dư cuối năm	65.621.820.574	1.148.150.704	66.769.971.278

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 7.850 triệu VND (31/12/2019: 1.373 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

(*) Bao gồm một quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 4.470.585.373 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 15(i)).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	7.650.000.000	7.500.000.000
Tăng trong năm	4.365.439.273	4.713.900.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.335.291.595)	(4.563.900.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(6.474.107.678)	-
Số dư cuối năm	3.206.040.000	7.650.000.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số	3.206.040.000	-
Công trình văn phòng chi nhánh Cần Thơ	-	7.500.000.000
Khác	-	150.000.000
	3.206.040.000	7.650.000.000

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí bảo hiểm cho nhân viên VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.174.076.052	731.927.696	1.669.040.181	2.254.146.480	14.829.190.409
Tăng trong năm	20.702.750.000	1.278.165.240	722.095.655	44.390.712.792	67.093.723.687
Phân bổ trong năm	(11.899.305.219)	(1.056.102.128)	(1.759.582.209)	(45.020.670.018)	(59.735.659.574)
Số dư cuối năm	18.977.520.833	953.990.808	631.553.627	1.624.189.254	22.187.254.522

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Thuế suất	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20%	17.160.420.706	6.621.465.986

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

13. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	244.043.561.004	199.704.014.892
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	35.041.420.698	25.629.582.345
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	8.238.534.460	8.873.453.655
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	4.686.607.745	11.543.483.673
Phải trả khác liên quan đến bảo hiểm gốc	1.031.035.400	1.019.596.862
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	643.020.032	2.181.994.870
	293.684.179.339	248.952.126.297

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2020 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/cấn trừ trong kỳ VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.247.869.562	48.502.594.618	(45.345.302.960)	7.405.161.220
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.552.543.072	27.339.358.401	(13.192.090.894)	18.699.810.579
Thuế thu nhập cá nhân	1.911.389.865	13.010.221.828	(12.683.471.040)	2.238.140.653
Thuế khác	526.786.305	2.181.174.819	(2.194.405.167)	513.555.957
	11.238.588.804	91.033.349.666	(73.415.270.061)	28.856.668.409

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải trả cổ tức	7.216.165.214	6.012.313.102
Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (i)	9.136.363.636	9.136.363.636
Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (ii)	6.437.860.981	6.700.977.690
Phải trả khoản tạm thu chờ xử lý	3.351.086.601	2.758.824.473
Phải trả Quỹ Quản lý giám sát bảo hiểm	1.670.273.233	1.751.424.072
Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	1.029.028.634	806.707.069
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	380.643.704	448.251.757
Phải trả Quỹ xe cơ giới	53.221.548	385.082.319
Phải trả Quỹ phòng cháy chữa cháy	46.694.335	310.671.260
Phải trả khác	8.452.003.087	7.728.029.182
	37.773.340.973	36.038.644.560

- (i) Đây là số tiền Tổng Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Tổng Công ty. Do thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9).
- (ii) Đây là số tiền bồi thường phân bổ cho nhà tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

16. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

Biến động doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	81.195.340.549	67.795.491.120
Tăng trong năm	176.177.464.980	175.740.111.182
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 22)	(172.156.606.724)	(162.340.261.753)
Số dư cuối năm	85.216.198.805	81.195.340.549

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

17. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	314.513.898.819	107.239.015.229	207.274.883.590
• Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	271.372.044.329	90.648.343.199	180.723.701.130
• Dự phòng IBNR	43.141.854.490	16.590.672.030	26.551.182.460
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	691.449.473.331	241.313.664.374	450.135.808.957
	1.005.963.372.150	348.552.679.603	657.410.692.547

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	274.364.198.071	100.486.043.814	173.878.154.257
• Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	237.617.862.449	84.877.410.976	152.740.451.473
• Dự phòng IBNR	36.746.335.622	15.608.632.838	21.137.702.784
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	550.817.612.136	222.446.893.383	328.370.718.753
	825.181.810.207	322.932.937.197	502.248.873.010

(i) Biến động dự phòng bồi thường trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	274.364.198.071	100.486.043.814	173.878.154.257
Trích lập dự phòng trong năm	40.149.700.748	6.752.971.415	33.396.729.333
Số dư cuối năm	314.513.898.819	107.239.015.229	207.274.883.590

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	264.182.074.896	98.698.496.819	165.483.578.077
Trích lập dự phòng trong năm	10.182.123.175	1.787.546.995	8.394.576.180
Số dư cuối năm	274.364.198.071	100.486.043.814	173.878.154.257

(ii) Biến động dự phòng phí chưa được hưởng trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	550.817.612.136	222.446.893.383	328.370.718.753
Trích lập dự phòng trong năm	140.631.861.195	18.866.770.991	121.765.090.204
Số dư cuối năm	691.449.473.331	241.313.664.374	450.135.808.957

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	520.913.605.502	176.500.935.032	344.412.670.470
Trích lập dự phòng trong năm	29.904.006.634	45.945.958.351	(16.041.951.717)
Số dư cuối năm	550.817.612.136	222.446.893.383	328.370.718.753

(b) Dự phòng dao động lớn

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	64.530.161.431	57.484.260.503
Trích lập dự phòng trong năm	8.850.394.154	7.045.900.928
Số dư cuối năm	73.380.555.585	64.530.161.431

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	15.831.189.152	3.180.036.898	47.947.885.091	666.537.856.296
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	41.546.246.408	41.546.246.408
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(32.879.711.751)	(32.879.711.751)
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	1.731.597.222	(1.731.597.222)	-
Tạm trích quỹ	-	-	-	2.077.312.320	-	(2.077.312.320)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	17.908.501.472	4.911.634.120	52.805.510.206	675.204.390.953
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	66.590.020.704	66.590.020.704
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(35.519.688.608)	(35.519.688.608)
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	1.869.581.088	(1.869.581.088)	-
Tạm trích quỹ	-	-	-	3.329.501.035	-	(3.329.501.035)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	21.238.002.507	6.781.215.208	78.676.760.179	706.274.723.049

(i) Thường cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số tiền 1.869.581.088 đồng, tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2019 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Khoản thưởng này vẫn chưa chi trả cho nhân viên và vẫn đang ghi nhận ở khoản mục quỹ khác của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(b) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(526)	(5.260.000)	(526)	(5.260.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.999.474	599.994.740.000	59.999.474	599.994.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

	Số lượng cổ phiếu	%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	49.082.342	81,80%
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.903.651	6,51%
Các cổ đông cá nhân khác	7.013.481	11,69%
	59.999.474	100%

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

19. CỔ TỨC

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 3 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua quyết định phân phối khoản cổ tức 35.519.688.608 VND cho các nhà đầu tư (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 32.879.711.751 VND).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

(a) Phí bảo hiểm gốc

	2020 VND	2019 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	553.600.892.454	543.894.442.162
Bảo hiểm con người	348.855.557.556	241.199.710.699
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	221.354.935.152	205.561.536.983
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	58.634.030.833	65.797.140.196
Bảo hiểm tàu	53.287.381.848	41.505.474.525
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	33.394.026.186	34.978.566.837
Bảo hiểm thuyền viên	5.577.046.151	3.810.770.793
	1.274.703.870.180	1.136.747.642.195

(b) Phí nhận tái bảo hiểm

	2020 VND	2019 VND
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	79.696.490.712	56.198.999.628
Bảo hiểm con người	48.661.371.437	13.843.558.245
Bảo hiểm xe cơ giới	24.652.931.576	11.904.005.196
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	8.324.778.176	4.885.428.235
Bảo hiểm tàu thuyền	1.230.098.961	608.701.331
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	792.275.297	675.853.019
Bảo hiểm thuyền viên	-	13.666.178
	163.357.946.159	88.130.211.832

21. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2020 VND	2019 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	224.104.989.982	195.811.479.754
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	130.072.521.837	162.002.885.518
Bảo hiểm con người	147.717.108.698	95.916.083.249
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	21.527.787.198	34.551.193.975
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	13.567.646.610	18.994.616.024
Bảo hiểm tàu thuyền	16.032.346.670	13.011.502.677
	553.022.400.995	520.287.761.197

22. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2020 VND	2019 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	86.335.603.829	94.241.236.974
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	35.320.944.895	42.851.353.510
Bảo hiểm con người	37.688.914.799	7.259.123.105
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	6.007.813.524	7.538.844.584
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	4.761.848.103	8.652.610.359
Bảo hiểm tàu thuyền	2.041.481.574	1.797.093.221
	172.156.606.724	162.340.261.753

23. CHI BỒI THƯỜNG

	2020 VND	2019 VND
<i>Chi bồi thường</i>		
• Chi bồi thường bảo hiểm gốc (i)	423.966.428.148	434.983.063.024
• Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (ii)	32.215.074.639	30.862.965.380
	456.181.502.787	465.846.028.404
<i>Trừ đi các khoản giảm trừ bồi thường</i>		
• Thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, hàng đã xử lý bồi thường	(2.910.472.823)	(1.892.312.656)
	453.271.029.964	463.953.715.748

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

23. CHI BỒI THƯỜNG (TIẾP THEO)

(i) Chi bồi thường bảo hiểm gốc

	2020 VND	2019 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	232.346.710.970	281.761.052.250
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	47.599.348.160	22.113.830.199
Bảo hiểm con người	106.040.026.649	76.535.294.465
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	11.216.567.412	42.157.042.720
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	11.356.479.928	3.762.441.666
Bảo hiểm tàu thuyền	14.107.945.029	8.491.069.984
Bảo hiểm thuyền viên	1.299.350.000	162.331.740
	423.966.428.148	434.983.063.024

(ii) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	2020 VND	2019 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	267.718.855	66.688.475
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	24.805.959.999	25.943.976.599
Bảo hiểm con người	82.047.640	68.491.234
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	1.226.350.777	100.431.080
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	3.625.827.393	2.520.126.880
Bảo hiểm tàu thuyền	2.207.169.975	2.163.251.112
	32.215.074.639	30.862.965.380

24. THU BỒI THƯỜNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2020 VND	2019 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	99.323.438.193	112.769.531.501
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	46.476.113.408	14.360.566.573
Bảo hiểm con người	81.283.888.708	25.264.492.623
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	4.278.414.138	30.691.019.422
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	11.490.501.040	5.427.720.899
Bảo hiểm tàu thuyền	6.596.013.456	4.253.653.678
	249.448.368.943	192.766.984.696

25. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	2020 VND	2019 VND
Chi hoa hồng bảo hiểm (Thuyết minh 7)	107.802.297.672	107.123.655.770
<i>Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>		
Chi phí phát triển kinh doanh	201.641.909.211	148.866.689.726
Chi phí nhân viên	67.263.238.968	64.989.600.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.530.464.934	50.725.813.575
Chi phí giám định tổn thất	11.225.727.529	13.967.567.441
Công cụ, dụng cụ	6.959.374.859	6.627.537.905
Chi phí khác	16.577.268.411	15.489.116.647
	365.197.983.912	300.666.326.094
	473.000.281.584	407.789.981.864

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	81.617.523.117	65.591.572.967
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	14.440.807.118	8.622.345.599
Lãi từ đầu tư trái phiếu	15.090.193.060	18.330.927.628
Cổ tức được chia	1.065.803.000	1.202.884.000
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	1.254.369.205	650.339.378
	113.468.695.500	94.398.069.572

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	11.994.080.657	9.330.896.404
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.018.633.633	760.032.887
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 5(a))	(6.451.385.938)	(2.778.311.774)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 5(b))	(765.672.000)	(34.328.000)
	5.795.656.352	7.278.289.517

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	162.911.051.779	143.639.339.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.312.316.970	59.093.364.377
Công cụ và dụng cụ	6.649.424.739	6.877.950.461
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 6)	6.433.982.395	8.456.572.461
Chi phí khấu hao	2.824.870.409	2.794.144.764
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	5.757.727.265	4.343.897.662
Thuế và phí	74.107.393	280.760.280
	242.963.480.950	225.486.029.813

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	25.202.165.832	10.831.227.825
Dự phòng thiếu của những kỳ trước	2.137.192.569	539.511.782
	27.339.358.401	11.370.739.607
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(10.538.954.720)	(67.479.097)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	16.800.403.681	11.303.260.510

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	83.390.424.385	52.849.506.918
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	17.007.157.235	10.569.901.384
Chi phí không được khấu trừ thuế	720.698.944	434.424.143
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(213.160.600)	(173.097.702)
Dự phòng thiếu của những kỳ trước	2.137.192.569	539.511.782
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(2.522.412.109)	(67.479.097)
	16.800.403.681	11.303.260.510

(*) Thu nhập không bị tính thuế liên quan đến thu nhập từ cổ tức được chia.

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty là 20% (2019: 20%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải chịu sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông là 64.720.439.616 VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 39.814.649.186 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 59.999.474 cổ phiếu (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 59.999.474 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	66.590.020.704	41.546.246.408
Phân bổ vào quỹ khác (*)	(1.869.581.088)	(1.731.597.222)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	64.720.439.616	39.814.649.186

(*) Phân bổ vào quỹ khác thể hiện số thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số tiền tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2019 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020 VND	2019 VND
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	59.999.474	59.999.474

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020 VND	2019 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.079	664

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu, trái phiếu, tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	420.160.027.530	343.459.469.465
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	(ii)	581.502.811.099	640.025.964.221
Trái phiếu – ngắn hạn	(iii)	50.000.000.000	75.000.000.000
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm – gộp	(iv)	298.625.189.220	216.115.044.284
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	(iv)	31.697.552.924	40.246.615.827
Ký quỹ ngắn hạn	(iv)	1.138.319.409	441.418.360
Phải thu khác	(iv)	36.053.309.445	23.933.837.022
Ký quỹ bảo hiểm	(ii)	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	(iv)	4.832.980.875	694.980.132
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	(ii)	165.000.000.000	44.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn – gộp	(iii)	41.513.400.000	41.513.400.000
Tài sản dài hạn khác	(iv)	4.217.274.183	3.874.343.538
		1.646.740.864.685	1.441.305.072.849

(ii) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(iii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tổng Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán để thanh khoản được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán đã được cấp phép hoạt động, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, và của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(iv) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(iv) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác (tiếp theo)

Tuổi nợ của các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm đã quá hạn nhưng không giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	2.724.677.979	1.690.595.092
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	2.558.073.866	2.013.181.806
	5.282.751.845	3.703.776.898

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	293.684.179.339	293.684.179.339	293.684.179.339
Phải trả cổ tức	7.216.165.214	7.216.165.214	7.216.165.214
Chi phí phải trả	24.064.182.901	24.064.182.901	24.064.182.901
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.993.642.726	9.993.642.726	9.993.642.726
	334.958.170.180	334.958.170.180	334.958.170.180

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	248.952.126.297	248.952.126.297	248.952.126.297
Phải trả cổ tức	6.012.313.102	6.012.313.102	6.012.313.102
Chi phí phải trả	17.754.630.382	17.754.630.382	17.754.630.382
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.623.458.590	10.623.458.590	10.623.458.590
	283.342.528.371	283.342.528.371	283.342.528.371

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch có gốc ngoại tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Tổng Công ty đảm bảo trạng thái thuận của rủi ro này được giữ ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mất cân đối ngắn hạn. Ban Điều hành không tham gia vào các giao dịch bảo hiểm rủi ro tiền tệ vì cho rằng chi phí của các công cụ này lớn hơn rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái đối với Tổng Công ty là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	420.160.027.530	343.459.469.465
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	581.502.811.099	640.025.964.221
Trái phiếu – ngắn hạn	50.000.000.000	75.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	165.000.000.000	44.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	41.513.400.000	41.513.400.000
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	12.000.000.000

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
• Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu niêm yết	46.090.341.771	46.090.341.771	46.044.213.784	46.044.213.784
• Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu chưa niêm yết	23.585.308.446	(*)	811.772.973	(*)
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
• Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	581.502.811.099	(*)	640.025.964.221	(*)
• Trái phiếu – ngắn hạn	50.000.000.000	(*)	75.000.000.000	(*)
• Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	165.000.000.000	(*)	44.000.000.000	(*)
• Trái phiếu – dài hạn	41.513.400.000	(*)	41.513.400.000	(*)
• Ủy thác đầu tư	-	-	29.234.728.000	29.234.728.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(e) Giá trị hợp lý (tiếp theo)

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ (tiếp theo)

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
• Tiền các khoản tương đương tiền	422.206.150.656	422.206.150.656	347.704.234.926	347.704.234.926
• Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	298.625.189.220	(*)	197.888.702.120	(*)
• Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	31.697.552.924	(*)	40.246.615.827	(*)
• Kỳ quỹ ngắn hạn	1.138.319.409	(*)	441.418.360	(*)
• Phải thu khác	31.736.492.995	(*)	20.237.235.883	(*)
• Kỳ quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
• Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	4.832.980.875	(*)	694.980.132	(*)
• Tài sản dài hạn khác	4.217.274.183	(*)	3.874.343.538	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
• Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	261.284.022.676	(*)	248.952.126.297	(*)
• Phải trả cổ tức	7.216.165.214	(*)	6.012.313.102	(*)
• Chi phí phải trả	24.064.182.901	(*)	17.754.630.382	(*)
• Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.993.642.726	(*)	10.623.458.590	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

32. RỦI RO BẢO HIỂM

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn 792 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Tổng Công ty duy trì biên khả năng thanh toán tối thiểu trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Thông tư 50.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

32. RỦI RO BẢO HIỂM (TIẾP THEO)

Biên khả năng thanh toán tối thiểu của công ty bảo hiểm phi nhân thọ sẽ là giá trị lớn hơn của các kết quả tính toán sau:

- 25,0% trong tổng số phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán;
- 12,5% trong tổng số phí bảo hiểm gốc cộng với phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán.

Bảng dưới đây nêu lên tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ an toàn vốn của Tổng Công ty. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo Tổng Công ty hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Cục Quản lý giám sát bảo hiểm đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Tổng Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	%
	VND	VND	%
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	471.443.103.852	221.259.853.836	213%
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	504.507.558.723	176.147.523.208	286%

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	9.787.960.089	4.646.557.382
Trong vòng hai đến năm năm	8.399.077.271	4.836.133.182
Trên năm năm	66.000.000	-
	18.253.037.360	9.482.690.564

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		31/12/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	343.456	7.909.111.855	277.981	6.429.458.732

34. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ/năm và trong kỳ như sau:

(a) Số dư cuối năm

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Tiền gửi thanh toán	208.574.787.067	292.375.218.419
Tiền gửi có kỳ hạn	606.758.818.157	281.957.471.071
Dự thu lãi tiền gửi	18.937.871.501	2.048.920.589
Công ty liên quan khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Tiền gửi thanh toán	3.710.505.927	3.264.238.838
Tiền gửi có kỳ hạn	43.000.000.000	40.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	2.664.121.034	3.134.899.033
Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Tổng Công ty		
Phải trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-
Phải trả thù lao, tiền lương và các lợi ích nhận được bởi Ban Kiểm soát	38.500.000	98.815.000
Phải trả thù lao, tiền lương và các lợi ích nhận được bởi Ban Giám đốc	524.042.500	1.582.202.400

(b) Giao dịch phát sinh trong năm

	2020	2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	18.608.917.498.193	18.367.929.975.722
Rút tiền gửi có kỳ hạn	18.284.116.151.107	18.161.328.619.184
Thu nhập từ lãi tiền gửi	50.574.511.839	25.992.588.557
Phí dịch vụ ngân hàng	1.177.695.386	257.104.172
Cổ tức thông báo	29.056.746.464	26.897.123.416
Công ty liên quan khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	35.000.000.000	17.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	32.000.000.000	9.000.000.000
Thu nhập từ lãi tiền gửi	3.055.732.042	1.103.306.469
Phí dịch vụ ngân hàng	25.488.171	8.465.495
Cổ tức thông báo	2.310.961.392	2.139.200.748
Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Tổng Công ty		
Phải trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng Quản trị	2.576.307.854	2.299.384.616
Phải trả thù lao, tiền lương và các lợi ích nhận được bởi Ban Kiểm soát	766.303.900	668.665.000
Phải trả thù lao, tiền lương và các lợi ích nhận được bởi Ban Giám đốc	7.975.373.632	7.196.262.400

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

35. CÁC THAY ĐỔI TRONG ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Không có bất kỳ thay đổi nào trong các ước tính kế toán trọng yếu khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 so với kỳ lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc cùng kỳ kế toán năm trước đó.

36. CÁC KHOẢN MỤC BẤT THƯỜNG

Trong năm 2020, nền kinh tế và xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19.

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường trong năm 2020. Vào nửa cuối tháng 1 năm 2021, số ca lây nhiễm COVID-19 chủng mới có dấu hiệu gia tăng trên cả nước. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau.

Tuy nhiên, Ban Điều hành Công ty đánh giá đại dịch Covid-19 không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

37. CÁC THAY ĐỔI TRONG CẤU TRÚC CỦA TỔNG CÔNG TY

Không có thay đổi nào trong cấu trúc Tổng Công ty ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Châu Hậu Doanh Doanh

Người lập

Người kiểm soát:

Hà Minh Hiếu

Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Quốc Dũng

Tổng Giám đốc

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
1	BL Thái Nguyên	Số 10 Cách mạng tháng 8, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên.	0208.3651115	0208.3651113
1.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Cao Bằng	Chưa hoạt động		
1.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Lạng Sơn	515B, Đ. Trần Đăng Ninh, xã Hoàng Đông, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn	02053.889955	Không sử dụng
2	BL Quảng Ninh	Tầng 3-6 căn nhà Ô số 3, ô số 4* QH đất xen kẹt nhà văn hóa khu 6A, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh	02033.819295	02033.815185
2.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Cẩm Phả	Số Nhà 397, Tổ 68, Khu Diêm Thủy, P. Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, T. Quảng Ninh	02033.710555	
2.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Uông Bí	404 Trần Nhân Tông, P. Thanh Sơn, TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh	02033.669456	02033.664889
2.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Móng Cái	Đang cập nhật		
3	BL Phú Thọ	Tòa nhà MB, Số 1596, Đường Hùng Vương, P. Gia Cẩm, TP. Việt Trì, T. Phú Thọ	0210.3652999	0210.3652288
3.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Lào Cai	Trắng 2, showroom moto D1, P. Bắc Cường, TP. Lào Cai, T. Lào Cai	Không sử dụng	Không sử dụng
4	BL Hà Nội	Tầng 1, tòa nhà số 30, Trung Liệt, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024.37629070	024.37629045
5	BL Thủ Đô	A46, TT16 Khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	024.37824330	024.37824331
6	BL Thăng Long	Tầng 2, Tòa nhà ACCI số 210 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	024.71086033	024.71086033
7	BL Hải Phòng	Tầng 7, Tòa Nhà CPN, Số 7 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	02253.686999	02253.686888
7.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nam	Số 14 ngách 84, ngõ 174, Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	0313.686.999 0313.686.777 0313.686.555	0313.686.888
7.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nội	14/178/48 Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội		
7.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Hưng Yên	Xóm 2 Thôn Mễ Xá, Xã Nguyễn Trãi, H. Ân Thi, T. Hưng Yên	0913.819.568	

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
8	BL Thanh Hóa	Tầng 3, 107 Đường Lạc Long Quân, P. Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, T. Thanh Hóa	0237.3855658	0237.3859658
8.1	Phòng kinh doanh Khu vực Bỉm Sơn	Đang cập nhật		
8.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tĩnh Gia	Đang cập nhật		
8.3	Phòng kinh doanh Khu vực Ngọc Lặc	Đang cập nhật		
8.4	Phòng kinh doanh Khu vực Như Thanh	Đang cập nhật		
8.5	Phòng kinh doanh Khu vực Triệu Sơn	Đang cập nhật		
9	BL KV Bắc Trung Bộ	106A Đường Mai Hắc Đế, P. Hà Huy Tập, TP. Vinh, T. Nghệ An	0238.3575368	0238.3575268
9.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Tĩnh	365 Trần Phú, Khu phố Vinh Hòa, P. Thạch Linh, TP. Hà Tĩnh	0393.690696	0393.868585
9.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Nghệ An	Khối 3 - TT Diễn Châu - H. Diễn Châu, T. Nghệ An		
9.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nghệ An	437 Khối Đồng Tâm, P. Hòa Hiếu, Tx Thái Hòa, tỉnh Nghệ An		
9.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Đô Lương	Xóm Yên Thế, xã Yên Sơn, H. Đô Lương, T. Nghệ An		
9.5	Phòng Kinh doanh Khu vực Quỳnh Lưu	Xóm 3, Xã Quỳnh Hồng, H. Quỳnh Lưu, T. Nghệ An		
10	BL KV Trung Bộ	Tầng 1, Số 23 Nguyễn Văn Cừ, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế	0234.3978255	0234.3879099
10.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Quảng Trị	69 Lý Thường Kiệt, TP. Đông Hà, T. Quảng Trị	053.3568989	
11	BL KV Tây Nguyên	161 Ngô quyền, P. Tân An, TP. Buôn Mê Thuột, Đak Lak	0262.8553789	0262.3968768
11.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Đắk Nông	TDP2, P. Nghĩa Thành, TX Gia Nghĩa, T. Đắk Nông	0501.3543390	
11.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Eakar	135 đường Quang Trung, Thôn 1a, Cư ni, TT Eakar, T. Đak Lak		
12	BL Đà Nẵng	45 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. Hải Châu - Đà Nẵng	0236.3840890	0236.3840656
12.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Hội An	392 Cửa Đại, P. Cẩm Châu, TP. Hội An, T. Quảng Nam		
12.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tam Kỳ	Đang cập nhật		

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
13	BL Quảng Ngãi	Số 21 đường Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	0255.6556999	0255.3836181
13.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Núi Thành	500 Phạm Văn Đồng, TT. Núi Thành, H. Núi Thành, T. Quảng Nam	0510.3870468	0510.3870468
13.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Quảng Nam	Tổ 64 P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
14	BL Phú Yên	242-244-246 Hùng Vương, TP. Tuy Hòa, T. Phú Yên	02573.821979	02573.810409 0257. 813199
14.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Đông Hòa	KP 2, TT. Hòa Vinh, H. Đông Hòa, T. Phú Yên	0573.531979	0573.531979
14.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tuy An	Thôn Phú Mỹ, xã An Dân, H. Tuy An, T. Phú Yên	0573.866077	0573.866077
14.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Sông Cầu	148 Phạm Văn Đồng, khu phố Long Hải, P. Xuân Phú, TX. Sông Cầu, T. Phú Yên	0573.876616	0573.876616
15	BL Bình Định	Căn nhà số 48 đường Hoàng Văn Thụ, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	0256.3846350	0256.3846380
15.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Phù Cát	10 Đường Hai Bà Trưng, TT. Ngô May, H. Phù Cát, T. Bình Định	056.3604198	
15.2	Phòng Kinh doanh Khu vực An Nhơn	30/3, Bắc Ngõ Gia Tự, P. Bình Định, TX. An Nhơn, T. Bình Định	056.3735157	056.3735157
15.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Hoài Nhơn	177 Quang Trung, TT. Đồng Sơn, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	056.3961355	056.3961356
15.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Phù Mỹ	Chưa hoạt động		
15.5	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Sơn	Chưa hoạt động		
16	BL Khánh Hòa	236 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Phước Hòa, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	02583 515229 02583 516609	02583 515209 02583 516609
16.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Ninh Thuận	5 Trần Phú, P. Thanh Sơn, TP. Phan Rang-Tháp chàm, T. Ninh Thuận	02593 828768	02593 828768
16.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Ninh Hòa	441 Trần Quý Cáp, P. Ninh hiệp, TX. Ninh hòa, T. Khánh Hòa	02583 631666	02583 631666
16.3	Phòng Kinh doanh khu vực Cam Lâm	TT. Cam Đức, H. Cam lâm, T. Khánh Hòa.	058.3859268	
16.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Cam Ranh	131 Phạm Văn Đồng, P. Cam Thuận, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	02583 950380	02583 950380
16.5	Phòng Kinh doanh Khu vực Vạn Ninh	469 Hùng Vương, TT Vạn Giã, H. Vạn Ninh, Khánh Hòa	02583 840223	02583 840223
17	BL Bình Thuận	Số E3 Đường Hùng Vương, khu phố 14, P. Phú Thủy, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận	0252. 6253179	0252.6253179
18	BL Bình Dương	126 Đại Lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, TX. Thủ Dầu Một - Bình Dương	0274.3837108	0274.3837109
18.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Phú Giáo	550 KP2, Thị trấn Phước Vĩnh, H. Phú Giáo, T. Bình Dương	Không sử dụng	Không sử dụng

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
19	BL Đồng Nai	BN4 LK20, Đường N1, KP6, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	02513.822112 02513.918095	02513.822966
20	BL Vũng Tàu	Tầng 4-5, Tòa nhà 89 Lê Lợi, P. 6, TP. Vũng Tàu	02543.591033	02543.591932
20.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Bà Rịa	389 CMT8, P. Phước Nguyên, TX. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu		
20.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Phước Tỉnh	37 tổ 2, ấp Phước Thọ, xã Phước Hưng, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	Không sử dụng	Không sử dụng
20.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Tân Thành	Quốc lộ 51A, TT Phú Mỹ, H. Tân Thành, T. Bà Rịa - Vũng Tàu		
21	Sở giao dịch Bảo Long	159 Hoa Lan, P. 2, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	028.35172915	028.35172921
21.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Khu Công nghệ cao			
22	BL Bến Thành	50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1	028.39145312	028.39145311
23	BL TP.HCM	Lầu 4, 50 Bis - 52 - 46/10 Phạm Hồng Thái, P. Bến Thành, Q. 1	028.38296268	028.38296269
24	BL Sài Gòn	449 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Q. 1, TP. HCM	028.39202288	028.39204556
24.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Củ Chi	23 Lê Vĩnh Huy, Khu phố 7, TT Củ Chi, H. Củ Chi, TP. HCM	02836369909	
25	BL Nam Sài Gòn	39 Hải Thượng Lãn Ông, P. 10, Q. 5, TP. HCM	028.38537990	028.38536079
26	BL Gia Định	59 Phan Bá Phiến, P. 12, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	028.35264405	028.35261158
27	BL Tân Sơn Nhất	95 Nguyễn Cửu Vân, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	028.39903119	028.39903117
28	BL Long An	Tầng 4, Tòa nhà số 68A Hùng Vương, P. 2, TP. Tân An, T. Long An	02723.550677	02723.550477
28.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Mỹ Tho	Lầu 3, Nhà số 134-136 Đinh Bộ Lĩnh, P. 2, TP. Mỹ Tho, T. Tiền Giang.	0272 3877805	0272 3876239
29	BL Cần Thơ	30 A3, Khu dân cư Hưng Phú I, P. Hưng Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	02923.834117	0292.3766466
29.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Vĩnh Long	11-11A-11B-11C Phạm Thái Bường, P.4, TP. Vĩnh Long	0270.3842.197	0270.3842.197
29.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Hậu Giang	89 Đường 30/4, KV2, P. Thuận An, TX. Long Mỹ, T. Hậu Giang	0711.511.471	Không sử dụng
29.3	Phòng Kinh doanh Khu vực An Giang	100/5N Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, T. An Giang		
29.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Đồng Tháp	60-62 Đốc Binh Kiều, P.2, TP. Cao Lãnh, T. Đồng Tháp		
29.5	Phòng Kinh doanh Khu vực Trà Vinh	23 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 2. TP. Trà Vinh, T. Trà Vinh		

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
30	BL Cà Mau	Số 114A, đường Nguyễn Công Trứ, Khóm 7, P. 8, TP. Cà Mau, T. Cà Mau	0290.3520557	0290.3520556
30.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Bạc Liêu	14 Lý Thường Kiệt, P.3, TP. Bạc Liêu, T. Bạc Liêu	07813.686566	07813.686566
30.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Sóc Trăng	Đang cập nhật		
31	BL Lâm Đồng	2F Đường Ba Tháng Tư, P. 03, TP. Đà Lạt, T. Lâm Đồng	0263.3837568	0263.3837268
31.1	Phòng Kinh doanh Phú Mỹ Hưng	1411 Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Q. 7, TP.HCM	08.39958155	08.39958156
31.2	Phòng Kinh doanh Bảo Lộc	121C Trần Phú, TP. Bảo Lộc, T. Lâm Đồng	063.3958888	063.3958999
31.3	Phòng Kinh doanh Đức Trọng			
32	BL Gia Lai	53 Nguyễn Tất Thành, Khu phố mới Hoa Lư - Phù Đổng, P. Hoa Lư, TP. Pleiku, T. Gia Lai	02693.829767	02693.714243
33	BL Kiên Giang	Số L7-12 Đường Trần Quang Khải, P.An Hòa, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	02973.778686	02973.777793
33.5	Phòng Kinh doanh khu vực Châu Đốc	531 Nguyễn Văn Thoại, Châu Phú, Châu Đốc, An Giang		
34	BL Đồng Sài Gòn	Tầng 6, Tòa nhà số 50bis-52-46/10 Phạm Hồng Thái, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM	028.38279478	028.38239254
35	BL Quảng Bình	Số 267 Lý Thường Kiệt, P. Đồng Phú, TP. Đồng Hới, T. Quảng Bình	0232.3838233	0232.3838234
35.1	Phòng Kinh doanh khu vực Quảng Trạch	Đang cập nhật		
35.2	Phòng Kinh doanh khu vực Bố Trạch	Đang cập nhật		
36	BL Bắc Ninh	Tầng 4, 316 Trần Hưng Đạo, P. Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh	0222.3861666	0222.3634567
36.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Giang 1	Lô G14, Đường Cả Trọng, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang	02043.555.785	
36.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Giang 2	Lô G14, Đường Cả Trọng, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang		
36.3	Phòng Kinh doanh khu vực Gia Lâm	Đang cập nhật		
37	BL Đông Phương	Phòng số T3.3 và T3.5, Lầu 2 (Tầng 3), 72-74 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. HCM	028.39505014 028.39505015	028.39505013
38	BL Hải Dương	167 Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, T. Hải Dương.	0220.3833999	Đang cập nhật
38.1	Phòng Kinh doanh khu vực Chí Linh	Trúc Thôn, P. Cộng Hòa, TX Chí Linh, T. Hải Dương		
38.2	Phòng Kinh doanh khu vực Kinh Môn			

STT	TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	FAX
39	BL Nam Định	Số 143 Tổ 27, Đường Giải Phóng, P. Cửa Bắc, TP. Nam Định, T. Nam Định	0228.3511199	0228.3511199
39.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nam	KM3.5 Quốc lộ 10, Lộc An, TP. Nam Định T. Nam Định		
39.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Phương Nam	Tổ 18 TT Bùi Chu, xã Xuân Ngọc, H. Xuân Trường, T. Nam Định		
40	BL Vinh Phúc	Tầng 2, Tòa nhà Viettel Vinh Phúc, Lô S1, Khu đô thị chùa Hà Tiên, TP. Vinh Yên, T. Vinh Phúc	0211.6251186	0211.6251186
40.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Thành	38/64/3 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, TP. Hà Nội		
41	BL Đông Hải	01 phòng tại tầng 8 tòa nhà 9 tầng nhà khách Hải Quân, số 5 Lý Tự Trọng, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	02253.816666	02253.250599
41.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Khoái Châu	Thị Tứ Bô Thời, Hồng Tiến, Khoái Châu, T. Hưng Yên		
42	Sở Giao dịch miễn Bắc	Tầng 5, 6 số 5 ngõ 75 Trần Thái Tông, P. Dịch Vọng, H. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024.4450108	
42.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Bắc			
43	BL Ninh Bình	TTTT Bình An Nhiên, số 90 đường Lê Hồng Phong, P. Vân Giang, TP. Ninh Bình	0229.3876899	0229.3875899
43.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Yên Khánh	Phố 1, TT Yên Ninh, H. Yên Khánh, T. Ninh Bình		
43.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tam Điệp	P. Trung Sơn, TP. Tam Điệp, T. Ninh Bình		
43.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nam	170 Lê Công Thanh, Phủ Lý, Hà Nam	03513889269	03513889269
44	BL Thái Bình	Tầng 2, Lô số 20+22/TT4G Dự án Khu phố 3, Khu đô thị mới Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình, T. Thái Bình	0227.6528666	0227.3658966
45	BL Đông Đô	74-76 Nguyễn Khang, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024.66641786	Đang cập nhật
45.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Mỹ Đức - Hà Tây	Xóm 10, Phù Lưu Tế, H. Mỹ Đức, TP. Hà Nội		
46	BL Tây Ninh	Số 57, Lê Duẩn, Khu phố 1, P. 3, TP. Tây Ninh, T. Tây Ninh	0276.3846666	0276.3627666
46.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Trảng Bàng	Ấp Suối Sâu, Xã An Tịnh, H. Trảng Bàng, T. Tây Ninh		



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

[📍]: 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao,
Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

[☎]: (84.28) 3823 9219

[☎]: (84.28) 3822 8967

[✉]: info@baohiembaoalong.vn

[🌐]: baolonginsurance.com.vn